

Số 578 Trần Hưng Đạo, phường Đức Long, Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

Điện thoại: 0252 3819572

Website: moitruongdothibinhthuan.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN



2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



MỤC LỤC



1

THÔNG TIN CHUNG

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

3

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

4

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



1

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Sơ đồ tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro







THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- **Tên Công ty:** CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN
- **Tên tiếng Anh:** BINH THUAN ENVIRONMENTAL URBAN SERVICE JOINT STOCK COMPANY
- **Vốn điều lệ:** 27.532.800.000 đồng
- **Vốn chủ sở hữu:** 30.469.971.453 đồng
- **Trụ sở chính:** Số 578 Trần Hưng Đạo, phường Đức Long, Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận
- **Điện thoại:** 0252 3819572
- **Fax:** 0252 3819572





- **Email:** moitruongdothibinhthuan@gmail.com
- **Website:** moitruongdothibinhthuan.vn
- **Giấy CNĐKDN:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 3400861721 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 29/04/2010, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 29/04/2016
- **Mã cổ phiếu:** BMD



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1985

Công ty Quản lý Công trình Công cộng được thành lập vào tháng 6/1985 thực hiện các dịch vụ vệ sinh môi trường, duy tu sửa chữa điện chiếu sáng, chăm sóc vườn hoa công viên cây xanh, duy trì hệ thống thoát nước và thực hiện các dịch vụ sản xuất kinh doanh là đơn vị hạch toán độc lập.

1993

Mặc dù các điều kiện về lao động, tài sản, giá trị sản lượng, quy mô hoạt động lớn nhưng trực thuộc thị xã Phan Thiết quản lý nên Công ty không được xác định là Doanh nghiệp Nhà nước (theo Nghị định 388/HĐBT). Do vậy, Công ty được đổi tên và chuyển thành “Ban Quản lý Công trình Công cộng”, là đơn vị hành chính sự nghiệp, hoạt động theo phương thức “thực thanh thực chi”.

1995

Tháng 01/1995, với tốc độ đô thị hóa phát triển nhanh, các công trình phúc lợi, hạ tầng đô thị được Tỉnh và Thị xã đầu tư; các hoạt động dịch vụ mang tính đặc thù của đơn vị gắn với sự phát triển của thành phố vì vậy mô hình đơn vị hành chính không còn phù hợp, UBND Tỉnh đã có quyết định số 74/QĐ-UBBT ngày 17/01/1995 chuyển Ban Quản lý Công trình Công cộng thành “Công ty Công trình Đô thị Phan Thiết”, xác định là đơn vị sự nghiệp kinh tế, có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập thuộc UBND thị xã Phan Thiết quản lý, trụ sở tại số 578 đường Trần Hưng Đạo - Phan Thiết.

2010

Ngày 01/02/2010, UBND Tỉnh có quyết định số 295/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Thuận thành lập Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Phan Thiết trên cơ sở vốn, tài sản, lao động của Công ty Công trình Đô thị Phan Thiết.





2017

Ngày 14/6/2017, Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận chính thức lên sàn giao dịch UPCOM, với tổng giá trị niêm yết là 27.532.800.000 đồng, mã chứng khoán là BMD.

2016

Ngày 29/04/2016, Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400861721 thay đổi lần thứ nhất. Ngày 26/09/2016, Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký Công ty đại chúng.

2015

Công ty tổ chức bán đấu giá ra công chứng lần đầu ngày 04/11/2015 tại trụ sở Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết. Số lượng cổ phần bán đấu giá thành công: 470.422 cổ phần. Giá bán thành công bình quân: 10.003 đồng/cổ phần.

2015

Ngày 12/06/2015, UBND tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 1491/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Phan Thiết.

2012

Ngày 27/11/2012, UBND tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 2377/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Phan Thiết và Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Bình Thuận.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



Mã	Ngành nghề chi tiết
0118	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh (Trồng hoa, cây cảnh, chăm sóc công viên và cây xanh công cộng)
0210	Trồng rừng và chăm sóc rừng (Ươm giống cây lâm nghiệp)
0129	Trồng cây lâu năm khác
3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị
3314	Sửa chữa thiết bị điện
3700	Thoát nước và xử lý nước thải
3811	Thu gom rác thải không độc hại
3812	Thu gom rác thải độc hại
3821	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại
3822	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại
3830	Tái chế phế liệu
3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
(Chính)	
4100	Xây dựng nhà các loại
4210	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
4220	Xây dựng công trình công ích
4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp)
4311	Phá dỡ
4312	Chuẩn bị mặt bằng
4321	Lắp đặt hệ thống điện (thi công lắp đặt hệ thống điện trung - hạ thế, trạm biến áp, điện chiếu sáng, tín hiệu giao thông)
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng (trang trí nội, ngoại thất công trình)
4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
7710	Cho thuê xe có động cơ
8129	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác
8130	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan
9321	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
8121	Vệ sinh chung nhà cửa
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng
7020	Hoạt động tư vấn quản lý
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

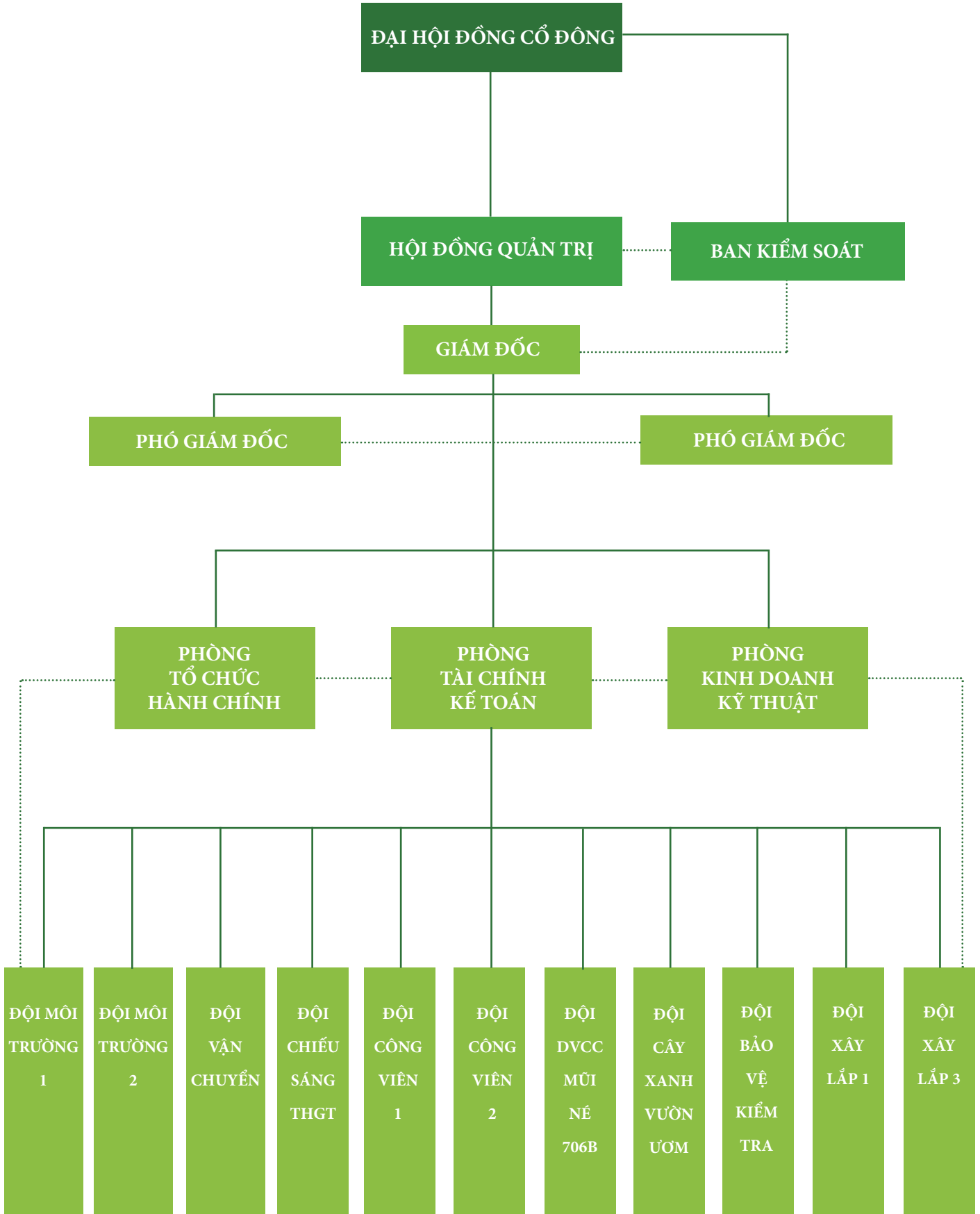
ĐỊA BÀN KINH DOANH


Công ty hoạt động chủ yếu các khu dân cư, khu công nghiệp tại thành phố Phan Thiết. Địa phương cũng là một nơi đang có sự phát triển về công nghiệp hóa, đặc biệt là trung tâm du lịch của cả nước, nhu cầu bảo vệ giữ gìn vệ sinh môi trường của người dân và doanh nghiệp sản xuất là rất lớn. Đây là tiền đề cho sự phát triển của Công ty.





SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



 Công ty con, Công ty liên kết: Không có.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty

- Thành phố Phan Thiết nói riêng và tỉnh Bình Thuận nói chung đang từng bước phát triển, xã hội hiện đại, đặc biệt đang đẩy mạnh ngành du lịch là một cơ hội của Công ty do địa bàn hoạt động chính ở Phan Thiết và chiếm thị phần trọng tâm ở đây. Nên Công ty xác định đẩy mạnh ngành nghề kinh doanh dịch vụ, bám sát chủ trương, chiều hướng phát triển của thị trường.
- Công ty hướng tới cung cấp các sản phẩm và dịch vụ môi trường đáp ứng nhu cầu phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ môi trường; các hoạt động kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải; các hoạt động góp phần tăng hiệu quả sử dụng, tăng năng suất lao động và tăng hiệu quả kinh tế; các hoạt động thu gom, xử lý các loại chất thải từ các hoạt động trong xã hội.
- Tăng cường và mở rộng địa bàn phát triển hoạt động dịch vụ - kinh doanh và thi công xây dựng trong toàn tỉnh. Bên cạnh đó, tìm kiếm các dự án, công trình ngoài ngành chủ lực phù hợp với năng lực Công ty để mở rộng sản xuất, nhằm tăng doanh thu và hoạt động Công ty.
- Nâng cao chất lượng từng mặt hoạt động cũng như trình độ lao động để đảm bảo hiệu quả kinh doanh trên mọi lĩnh vực. Không ngừng củng cố, hoàn thiện bộ máy tổ chức đáp ứng đầy đủ nhu cầu, nhiệm vụ trong thời gian tới.
- Chăm lo đời sống, đảm bảo tinh thần và đảm bảo thu nhập cho người lao động theo khuynh hướng năm sau cao hơn năm trước.
- Tiếp tục mở rộng nâng cao mối quan hệ với các đối tác trong và ngoài ngành.

Tầm nhìn:

Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận vừa ký ban hành Kế hoạch số 4994/KH-UBND thực hiện Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận. Theo đó, Bình Thuận sẽ đẩy mạnh công tác thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh. Đến năm 2025, Bình Thuận phấn đấu 100% tổng lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ sở y tế, làng nghề phải được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; 85% chất thải rắn nguy hại phát sinh tại các hộ gia đình, cá nhân phải được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường; 100% các nhà sản xuất thiết bị điện tử phải thiết lập và công bố các điểm thu hồi sản phẩm thải bỏ theo quy định.

Ngày 12/8/2016, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2335/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch hành động tăng trưởng xanh tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2016 – 2020 với mục tiêu tổng quát là bảo đảm thực hiện có hiệu quả Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế nhanh và bền vững, trọng tâm là hướng đến nền kinh tế các-bon thấp, giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ Khí nhà kính, làm giàu vốn tự nhiên, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, tài nguyên thiên nhiên. Phát triển các ngành kinh tế trọng điểm theo hướng xanh hóa. Cải thiện các vấn đề môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và chất lượng cảnh quan môi trường. Xây dựng lối sống thân thiện với môi trường. Nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Theo đó các chỉ tiêu khu công nghiệp, cụm công nghiệp lớn hơn 95%; chất thải y tế được thu gom xử lý 100%; chất thải rắn được thu gom 95% và 100% đô thị đạt chuẩn cây xanh, mật độ che phủ 55%, sử dụng đèn led thay thế đèn CFL ở hộ gia đình, chiếu sáng đường phố.

Nhận biết được cơ hội trên, BMD đang đẩy mạnh hoàn thiện, phát triển các dịch vụ của mình để chung sức góp phần hoàn thành định hướng của tỉnh. Mục tiêu trở thành một trong những công ty cung cấp dịch vụ đô thị và môi trường chuyên nghiệp và hàng đầu tại tỉnh, cũng như có cơ hội vươn ra các địa bàn lân cận.

Sứ mệnh:

BMD quyết tâm phát triển doanh nghiệp toàn diện, bền vững để mang lại cảnh quang, môi trường xanh - sạch - đẹp cho tỉnh Bình Thuận, lợi ích chung cho cộng đồng và cổ đông.





Mục tiêu đối với môi trường:

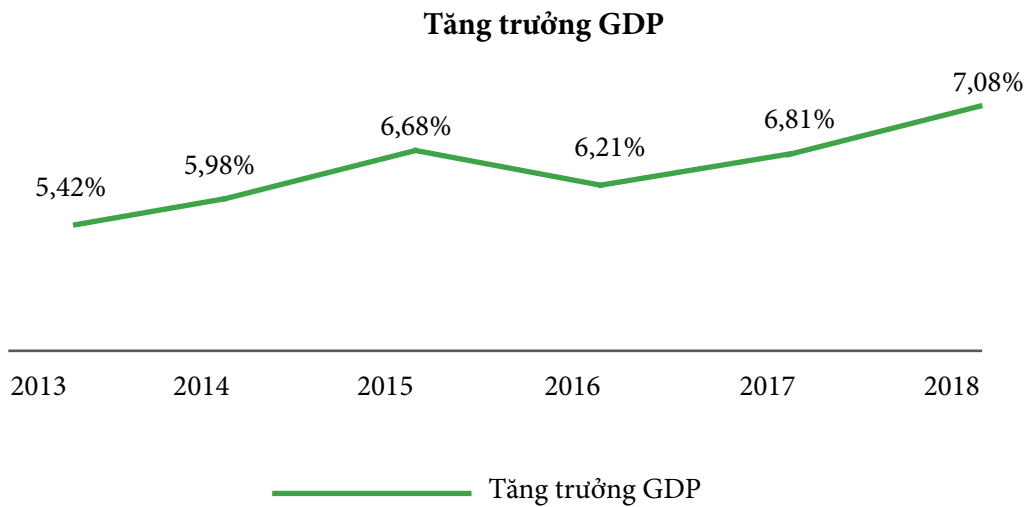
Công ty là đơn vị thực hiện nhiệm vụ công ích nên các hoạt động của Công ty đều chú trọng nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn, tiêu chí về môi trường, góp phần làm cho cảnh quan môi trường thành phố Phan Thiết ngày càng sáng – xanh – sạch – đẹp. Và tuân thủ luật Bảo vệ Môi trường và các quy định chung của Nhà nước.



Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng:

- Cung ứng các dịch vụ an toàn, chất lượng, xây dựng uy tín cho BMD, xây dựng niềm tin cho người dân đối với các hoạt động kinh doanh của BMD nhằm đảm bảo môi trường, cảnh quan thành phố luôn thân thiện, thoáng mát và sạch sẽ.
- Ngày càng nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động trong Công ty. Khuyến khích tham gia các hoạt động tình nguyện của Công ty tổ chức và thúc đẩy tư duy hướng tới phát triển bền vững, nâng cao giá trị sống.
- Hành động thiết thực và chung tay góp sức đối với các vấn đề cộng đồng và xã hội.

CÁC RỦI RO



Rủi ro kinh tế

Trong bối cảnh tăng trưởng của nền kinh tế Mỹ và các nước phát triển, thì kinh tế Việt Nam trong năm qua thực sự là điểm sáng đáng chú ý trong khu vực và thế giới khi đã có sự dịch chuyển tích cực theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp. Theo Tổng cục Thống kê công bố tăng trưởng GDP năm 2018 cao hơn năm 2017 nhờ sự cải thiện ở cả tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế mà GDP đạt mức 7,08%, đây cũng là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở lại đây. Tăng trưởng khu vực dịch vụ tiếp tục ở mức 7,03% đóng góp 42,7% vào mức tăng trưởng chung. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 3,54% so với cùng kỳ năm 2017. Lạm phát cơ bản bình quân tăng 1,48% so với cùng kỳ.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê cho biết, trong năm qua, ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,3%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm vào chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP), đã tạo tiền đề cho sự phát triển cho các công ty đang hoạt động trong ngành cung cấp dịch vụ công ích và môi trường nói chung và BMD nói riêng.

Ngoài ra, năm 2018, vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt khá. Trong đó, khu vực kinh tế tư nhân tiếp tục có sự phát triển mạnh mẽ nhờ chính sách ưu đãi, hỗ trợ tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, đưa tốc độ vốn đầu tư cả năm của

khu vực này tăng dần qua các năm. Tính chung cả năm 2018, vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành ước tính đạt 1.856,6 nghìn tỷ đồng, tăng 11,2% so với năm trước và bằng 33,5% GDP, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước đạt 619,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 33,3% tổng vốn đầu tư và tăng 3,9% so với năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 803,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 43,3% và tăng 18,5%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 434,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 23,4% và tăng 9,6%. Trong đó vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước cho Bộ Tài nguyên và Môi trường 1.238 tỷ đồng, bằng 83,5% và tăng 51,4%. Điều đó cho thấy Chính phủ và Nhà nước đang quan tâm và chú trọng đầu tư hơn vào lĩnh vực mà Công ty đang hoạt động, đây là tiền đề phát triển cho BMD.

Những dấu hiệu tốt từ nền kinh tế kể trên đã giúp Công ty hoạt động năm 2018 cũng đạt được nhiều thành công. Đó là một dấu hiệu khả quan từ chỉ số GDP tăng, giúp tăng nhu cầu sử dụng các dịch vụ của người tiêu dùng. Nhận biết được nhiều cơ hội nhưng cũng mở ra nhiều thách thức trong tình hình hiện tại, Công ty đã có những bước chuẩn bị cụ thể để đảm bảo hoạt động và sự phát triển của Công ty trong thời gian tới.



Rủi ro pháp luật

Là một doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý thải rắn sinh hoạt, do vậy Công ty chịu sự ảnh hưởng trực tiếp từ các thông tư, nghị định, văn bản pháp luật quy định trong lĩnh vực môi trường và đô thị của Việt Nam như Luật Bảo vệ môi trường, chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động bảo vệ môi trường (Nghị định 19/2015/NĐ-CP)... Bên cạnh đó, BMD cũng là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty đại chúng. Do vậy, Công ty chịu sự quản lý và tác động của các quy định pháp luật chung như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thương mại... Hiện nay, dự thảo Luật Chứng khoán đã được trình lấy ý kiến và dự kiến sẽ có hiệu lực vào cuối năm 2019, do đó các văn bản Luật liên quan khác cũng sẽ được điều chỉnh tương ứng, đòi hỏi Công ty phải có bước chuẩn bị nhằm điều chỉnh hoạt động của Công ty sao cho không vi phạm các quy định được điều chỉnh.

Việt Nam đã và đang tiến hành công cuộc đổi mới và đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế để phù hợp với xu hướng thế giới. Cùng với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế toàn cầu, Chính phủ cũng đang từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật cũng như các quy tắc chung nên ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Vì vậy, Công ty luôn chú trọng chủ động nghiên cứu, cập nhật những điều chỉnh của các chính sách để hạn chế rủi ro pháp lý, ứng phó kịp thời với các trường hợp phát sinh cũng như xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh cho phù hợp.



Rủi ro cạnh tranh

Với tình hình kinh tế phát triển, đời sống người dân được cải thiện, nhu cầu sử dụng dịch vụ nâng cao. Do cầu tăng nên cung cũng tăng theo, dẫn đến việc Công ty đang gặp phải cạnh tranh cao hơn trước với các công ty cùng ngành trong tỉnh Bình Thuận. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty đang có nguy cơ cạnh tranh cao như dịch vụ chăm sóc cây xanh trong công viên, thu gom và xử lý các loại rác thải, và lắp đặt hệ thống điện. Vừa qua UBND tỉnh Bình Thuận có công văn số 4487/UBND-ĐTQH ngày 23/10/2018 về việc Phương thức cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn Thành Phố Phan Thiết, theo đó năm 2019 UBND Thành phố triển khai đấu thầu hoạt động chăm sóc cây xanh, công viên trên địa bàn Thành Phố Phan Thiết, kể từ năm 2020 đấu thầu các lĩnh vực còn lại như Vệ sinh công cộng, duy tu điện chiếu sáng công lộ, duy tu đèn tín hiệu giao thông, trang trí đường phố ngày lễ tết, như vậy việc chiếm được thị phần để đảm bảo duy trì việc làm thường xuyên đối với doanh nghiệp trong năm 2019 và những năm tiếp theo là hết sức khó khăn. Tùy vào mỗi lĩnh vực kinh doanh mà đối thủ của Công ty là các doanh nghiệp lớn hoặc các doanh nghiệp vừa và nhỏ hay các hộ kinh doanh, hợp tác xã. Để tăng tính cạnh tranh, Công ty luôn chú trọng đầu tư và chuyên môn hóa vào các thế mạnh sẵn có, duy trì các mối quan hệ hợp tác với khách hàng cũ để duy trì thị phần nhằm gia tăng vị thế của mình. Công ty đưa ra các chiến lược hợp lý, phù hợp với tình hình phát triển của ngành trong bối cảnh nền kinh tế đang đứng trước nhiều cơ hội từ quá trình hội nhập để có thể giảm thiểu đến mức thấp nhất rủi ro cạnh tranh mà Công ty gặp phải.

Rủi ro đặc thù ngành

Với việc hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, Công ty bước đầu nhận được nhiều lợi thế trong ngành đem lại về các sản phẩm như điện, công viên, cây xanh, thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được bảo đảm bởi quy định chung của ban ngành quản lý. Tuy nhiên, Công ty gặp nhiều hạn chế về mức giá cung cấp dịch vụ phải tuân theo quy định về dịch mức đơn giá dịch vụ công ích do UBND Tỉnh Bình Thuận ban hành, doanh nghiệp không thể chủ động về giá thành dịch vụ của mình, hay các chính sách khuyến khích vẫn chưa rõ ràng và chưa đủ thuyết phục để thu hút được nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước nên kinh phí hoạt động hạn hẹp. Điều này đòi hỏi Công ty phải hoạch định rõ mục tiêu và chiến lược trong ngắn hạn và dài hạn để đảm bảo hoạt động của Công ty có hiệu quả.



Rủi ro chi phí đầu vào

BMD hoạt động trong ngành dịch vụ công cộng, do đó, chi phí về nhân công được xem là yếu tố tác động chính đến lợi nhuận của Công ty. Lương của công nhân trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty thường xuyên thay đổi, trong khi đó giá đầu ra của hầu hết dịch vụ công cộng bị kiểm soát bởi các cơ quan ban ngành và phụ thuộc vào khung quy định chung, dẫn đến việc cân bằng thu chi gặp nhiều khó khăn, điều này đặt ra thách thức lớn cho BMD phải luôn chủ động tính toán, ước tính số lượng công nhân cần thiết để giảm thiểu chi phí đầu vào, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động cung cấp dịch vụ và nâng cao trình độ đội ngũ nhân lực. Theo thống kê Công ty, số lượng nhân công năm 2017 là 425 lao động trong khi năm 2018 là 419 lao động. Như vậy có thể thấy Công ty đã giảm bớt số lượng lao động hiện có để giảm một khoản chi phí để tập trung đào tạo công nhân có kinh nghiệm và tay nghề cao, giúp Công ty có thể tăng tính cạnh tranh, duy trì được lượng khách hàng hiện nay.



Rủi ro an toàn lao động

Theo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thống kê được số vụ tai nạn lao động của ngành dịch vụ nói chung chiếm 1,35% tổng số vụ và 1,45% tổng số người chết trong vòng 6 tháng đầu năm 2018. Tuy có tỷ lệ tai nạn thấp nhất trong các ngành nghề nhưng đó cũng là một cảnh báo cho các công ty đang hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ để có thể giảm thiểu số trường hợp này đến mức thấp nhất có thể.

Đặc biệt khi BMD đang hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ môi trường và công cộng, phần lớn người lao động phải thực hiện công việc ngoài trời nên chịu ảnh hưởng lớn từ thời tiết và thường xuyên làm việc ở trên cao, dọc các tuyến đường giao thông khu công cộng... Ngoài ra, công nhân thường xuyên tiếp xúc với các loại rác độc hại, làm việc trong các môi trường không đảm bảo mà hệ thống quản lý về an toàn lao động vẫn chưa đem đến hiệu quả.

Khi xảy ra sự cố tai nạn không những gây ra tổn thất về con người, tinh thần và vật chất mà còn làm giảm uy tín của Công ty trên thị trường. Nhận thức được điều trên, Công ty chủ động xây dựng quy trình, biện pháp làm việc an toàn; thường xuyên kiểm tra, kịp thời thay thế các công cụ bảo hộ lao động không đáp ứng yêu cầu để bảo đảm an toàn tốt nhất cho người lao động. Ngoài ra, BMD còn tổ chức các lớp huấn luyện về an toàn lao động cho công nhân của mình để hạn chế tối đa các tai nạn có thể xảy ra.



Rủi ro khác

Trong quá trình hoạt động, các rủi ro khác như chiến tranh, hỏa hoạn, thiên tai, bệnh dịch,... có thể phát sinh sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Vì thế, BMD luôn cố gắng tuân thủ đúng các quy định trong lĩnh vực vận tải hàng hải, trang bị áo phao, thiết bị cứu hộ, mua bảo hiểm đầy đủ, đúng hạn.

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

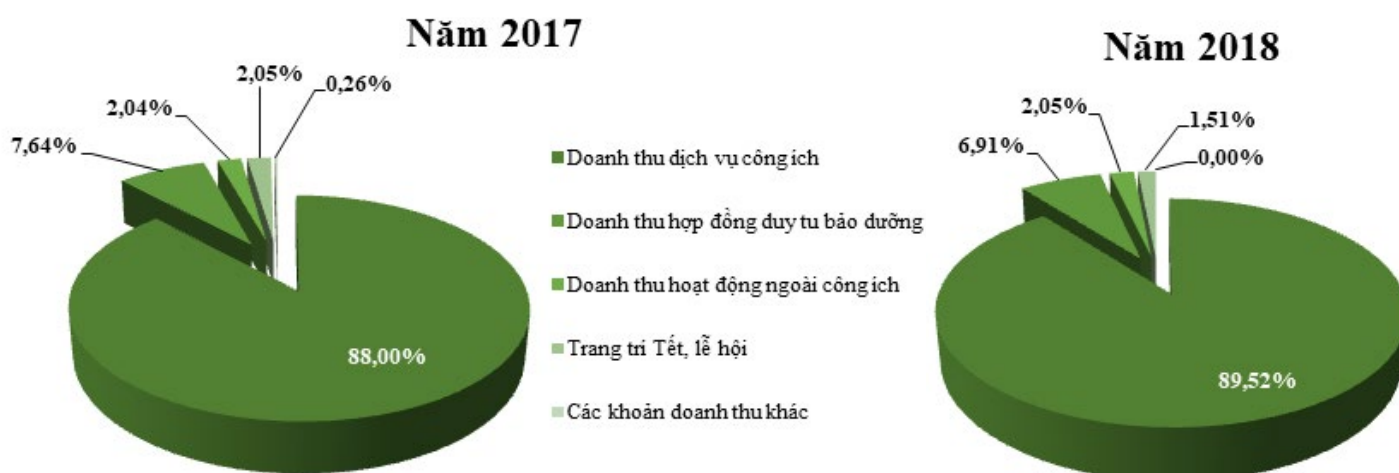




TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/giảm
1	Doanh thu dịch vụ công ích	65.162	73.263	12,43%
2	Doanh thu hợp đồng duy tu bảo dưỡng	5.657	5.658	0,02%
3	Doanh thu hoạt động ngoài công ích	1.514	1.675	10,63%
4	Trang trí Tết, lễ hội	1.519	1.239	-18,43%
5	Các khoản doanh thu khác	194	2	-98,97%
Tổng cộng		74.046	81.836	10,52%



Trong năm 2018, nguồn doanh thu của Công ty đã tăng trưởng khá tốt, đạt 81,8 tỷ đồng tăng 10,52% so với năm 2017. Như các năm trước, đóng góp chính trong cơ cấu doanh thu của Công ty là dịch vụ công ích đạt 73,2 tỷ đồng, chiếm 89,52%, tăng 12,43% so với năm 2017. Doanh thu từ hợp đồng duy tu bảo dưỡng không có thay đổi đáng kể so với năm trước. Doanh thu hoạt động ngoài công ích đạt gần 1,7 tỷ, tăng 10,63% so với năm 2017. Bên cạnh đó, doanh thu từ trang trí Tết, lễ hội và các hoạt động khác có xu hướng giảm tương đối so với năm 2017 từ 1,5 tỷ đồng còn 1,2 tỷ đồng. Từ kết quả trên cho thấy năm qua Công ty đang tập trung, chuyên môn hóa vào ngành nghề kinh doanh chính, giảm tỷ lệ của các ngành nhỏ nhằm tối thiểu hóa chi phí nâng cao lợi nhuận cho Công ty.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban Điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Mai Hữu Việt	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	2.500	0,09%
2	Đình Hồng Hà	Phó Giám đốc	-	-
3	Trà Thị Thành	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	53.900	1,96%
4	Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	33.000	1,20%

(*) Tính tại thời điểm 27/11/2018



Lý lịch Ban Điều hành



Ông MAI HỮU VIỆT

Ngày sinh	26/11/1971
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học Xây dựng cầu đường bộ - Trường Đại học Giao thông vận tải.
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có.
Quá trình công tác	

Thời gian	Chức vụ
1989 – 1992	Công nhân Xí nghiệp Thủy sản Phan Thiết.
1992 – 1993	Đi bộ đội Đoàn 915 – Quân khu 5, chức vụ tiểu đội trưởng.
1993 - 1994	Công nhân Xí nghiệp Thủy sản Phan Thiết.
1994 - 1996	Nhân viên văn phòng Thị ủy Thị xã Phan Thiết.
1996 - 2005	Nhân viên phòng Quản lý Đô thị Phan Thiết.
2005 - 2013	Chuyên viên và Phó chánh văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND Thành phố Phan Thiết.
2013 - 2014	Phó trưởng phòng Quản lý đô thị Thành phố Phan Thiết.
2014 – 04/2016	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết.
05/2016 - nay	Giám đốc, thành viên HĐQT CTCP Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	470.557 cổ phần, chiếm 17,09% vốn điều lệ.
<ul style="list-style-type: none"> Số cổ phần sở hữu cá nhân Số cổ phần đại diện sở hữu 	2.500 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ. 468.057 cổ phần, chiếm 17% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác	Không có.
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Không có.





Ông ĐINH HỒNG HÀ

Ngày sinh	14/7/1978
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Phó Giám đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Phó Giám đốc Tổng hợp Tập đoàn Nhật Hoàng - Công ty TNHH Nhật Hoàng.
Quá trình công tác	

Thời gian	Chức vụ
2001 - 2003	Quản lý dự án phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI.
2004 - 2010	Giám đốc Công ty TNHH Vĩnh Lộc.
2010 - 2013	Giám đốc Công ty TNHH Đức Hiệp.
2006 - 2014	Giám đốc Công ty Home Essential Việt Nam.
2014 - 2017	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nhật Hoàng.
2018 - Nay	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:	0 cổ phần.
• Số cổ phần sở hữu cá nhân	0 cổ phần.
• Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác	Không có.
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Không có.





Bà TRÀ THỊ THÀNH

Ngày sinh 05/11/1974
 Trình độ văn hóa 12/12
 Trình độ chuyên môn Đại học Kinh tế lao động - Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM.
 Chức vụ hiện nay tại Công ty Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc.
 Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác Không có.
 Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ
1999 - 2006	Nhân viên phòng Tổ chức hành chính Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết.
2006 - 2010	Phó Phòng Tổ chức hành chính Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết.
2010 - 11/2014	Trưởng phòng Nhân sự hành chính Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết.
11/2014 - 04/2016	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết.
05/2016 - nay	Phó Giám đốc, thành viên HĐQT CTCP Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay 521.957 cổ phần, chiếm 18,96% vốn điều lệ..

- Số cổ phần sở hữu cá nhân 53.900 cổ phần, chiếm 1,96% vốn điều lệ.
- Số cổ phần đại diện sở hữu 468.057 cổ phần, chiếm 17% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác Không có.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan Không có.



Bà LÊ THỊ THANH THỦY

Ngày sinh	19/02/1970
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học Tài chính kế toán doanh nghiệp - Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM.
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có.
Quá trình công tác	

Thời gian	Chức vụ
1992 - 1995	Nhân viên kế toán tại Công ty Vật tư tổng hợp Phan Rang – Thuận Hải.
1995 - 1999	Nhân viên Cục quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp Ninh Thuận.
1999 - 2005	Nhân viên phòng Tài chính Doanh nghiệp Sở Tài chính Ninh Thuận.
2005 - 2014	Nhân viên phòng Tài chính Doanh nghiệp Sở Tài chính Bình Thuận.
2014 – 4/2016	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết.
5/2016 - nay	Kế toán trưởng, thành viên HĐQT CTCP Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	33.000 cổ phần, chiếm 1,20% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác	Không có.
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Không có.



Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BGD trong năm 2018

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Đình Hồng Hà	Phó Giám đốc	15/8/2018	
2	Nguyễn Gia Phước Toại	Thành viên BKS		30/6/2018
3	Bùi Thị Kim Phượng	Thành viên BKS	30/6/2018	
4	Nhâm Anh Tuấn	Thành viên BKS		18/12/2018
5	Võ Thị Thanh Sương	Thành viên BKS	18/12/2018	

Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	419	100,00
1	Đại học	30	7,16
2	Cao đẳng	02	0,47
3	Trung cấp	18	4,30
4	CNKT	26	6,21
5	Lao động phổ thông	343	81,86
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	419	100,00
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	345	82,34
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	74	17,66
C	Theo giới tính	419	100,00
1	Nam	255	60,86
2	Nữ	164	39,14

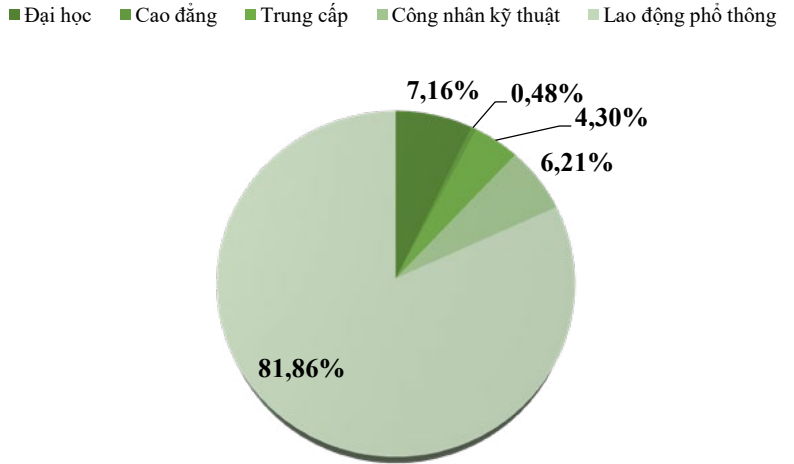
Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Tổng số lượng người lao động trực tiếp (người)	426	401	414
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	6.770.000	6.254.000	7.283.000



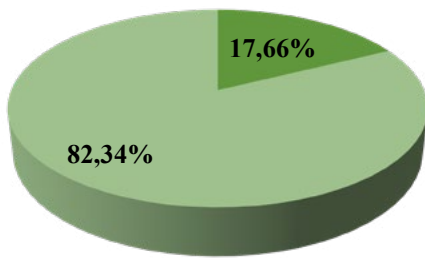
Theo trình độ lao động: Lao động của BMD chủ yếu là lao động phổ thông chiếm đến 81,86%. Có thể thấy cơ cấu lao động của Công ty phù hợp với tính chất hoạt động của mình. Hoạt động trong ngành đô thị môi trường, Công ty cần nhiều lao động có sức khỏe, nhanh nhẹn, không yêu cầu quá cao về trình độ. Người lao động cần chăm chỉ, cần cù để chịu được lượng công việc hằng ngày khi hiện nay ngày càng nhiều đô thị mới, nhu cầu sử dụng dịch vụ tăng cao. Vì vậy, Công ty luôn quan tâm và đưa ra các chính sách phù hợp nhằm khuyến khích người lao động.

Theo trình độ lao động



Theo loại hợp đồng lao động

■ Hợp đồng không thời hạn ■ Hợp đồng xác định thời hạn

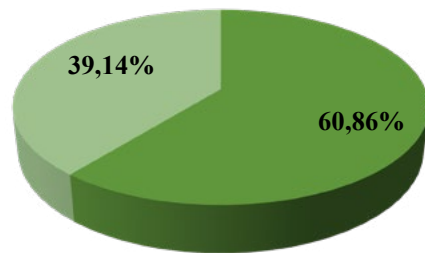


Theo hợp đồng lao động: Trong 419 lao động của BMD có 245 người là lao động xác định thời hạn, chiếm 82,34%; 74 người là được Công ty ký hợp đồng có thời hạn, chiếm 17,66%. Với quá trình hình thành lâu năm, Công ty đang cố gắng xây dựng đội ngũ lao động ổn định, chất lượng, có kinh nghiệm để có thể hoàn thiện bộ máy quản lý tốt nhất. Nhưng do đặc điểm kinh doanh nên phần lớn lao động của Công ty ký hợp đồng xác định thời hạn nhằm đảm bảo lượng lao động cần thiết, ổn định cho hoạt động kinh doanh được diễn ra thuận lợi.

Theo giới tính: BMD hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ công cộng trong thời gian dài, với tính chất công việc thường xuyên phải làm trong môi trường ngoài trời, nặng nhọc, độc hại, công việc rất vất vả. Do đó, lao động là những người yêu cầu phải có sức khỏe, chăm chỉ, chịu khó nên tỷ lệ nam giới và nữ giới trong Công ty không chênh lệch nhiều, chiếm lần lượt là 60,68% và 39,14%.

Theo giới tính

■ Nam ■ Nữ



Công ty luôn quan tâm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Bộ Luật lao động và các chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước. Công ty cũng luôn đảm bảo trang bị đầy đủ các trang thiết bị làm việc cần thiết cho người lao động, tổ chức các lớp huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động, trang bị bảo hộ lao động đầy đủ và các điều kiện làm việc an toàn khác. Hàng năm, Công ty áp dụng chế độ khám, kiểm tra sức khỏe tổng quát định kỳ cho toàn thể viên người lao động, xây dựng chính sách lương thưởng phù hợp với hoạt động của từng bộ phận và vị trí công việc của từng người. Năm 2018, thu nhập bình quân/lao động đạt hơn 7,2 triệu đồng/người/tháng tăng 16,45% so với năm 2017, ngoài ra công ty có nhiều chế độ chính sách nhằm giữ chân người lao động, ổn định sản xuất kinh doanh, đưa Công ty phát triển tốt nhất trong tương lai.

Chính sách nhân sự

Về đào tạo

Một trong những mục tiêu được ưu tiên hàng đầu của Công ty chính là đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao kiến thức cũng như kỹ năng nghề nghiệp cho nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Việc tuyển dụng được triển khai một cách công bằng theo quy chế, đồng thời phân công công việc phù hợp khả năng trình độ của nhân viên giúp Công ty tìm ra những ứng viên có đủ năng lực chuyên môn, đạo đức và trách nhiệm trong công việc.

Môi trường công việc

Công ty trang bị đầy đủ phương tiện và công cụ lao động đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn. Đối với những công việc có yếu tố độc hại và nguy hiểm, các trang thiết bị bảo hộ chuyên dùng đều được cung cấp cho người lao động giúp bảo vệ sức khỏe và đảm bảo an toàn khi làm việc. Các phương tiện vận chuyển được kiểm định theo quy định, sửa chữa thường xuyên; đại tu máy móc sửa chữa lớn hàng năm, mua bảo hiểm đầy đủ đảm bảo an toàn khi lưu thông trên đường.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Tất cả người lao động trong Công ty đều được ký hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật. Tiền lương, tiền thưởng thực hiện đúng quy định về Quy chế tiền lương, thưởng do Hội đồng quản trị ban hành, đảm bảo công bằng cho người lao động. Ngoài ra, Công ty xây dựng chế độ cho một số bộ phận làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại về bồi dưỡng bằng hiện vật, chế độ ăn giữa ca, cũng như cung cấp dụng cụ bảo hộ, khám sức khỏe định kỳ nhằm bảo vệ sức khỏe cho người lao động.

Công ty không chỉ chăm lo cho người lao động về mặt vật chất, mà đời sống tinh thần cũng được coi trọng. Hằng năm, Công ty thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên cũng như quyên góp giúp đỡ những cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn... Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức cho người lao động tham quan, nghỉ dưỡng nhằm tái tạo sức lao động đạo động lực cho người lao động chuyên tâm phục vụ tốt công việc được giao vào những dịp lễ đặc biệt, Công ty cũng tạo ra các sân chơi về thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ nhằm nâng cao chất lượng đời sống tinh thần cho người lao động.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Không có.

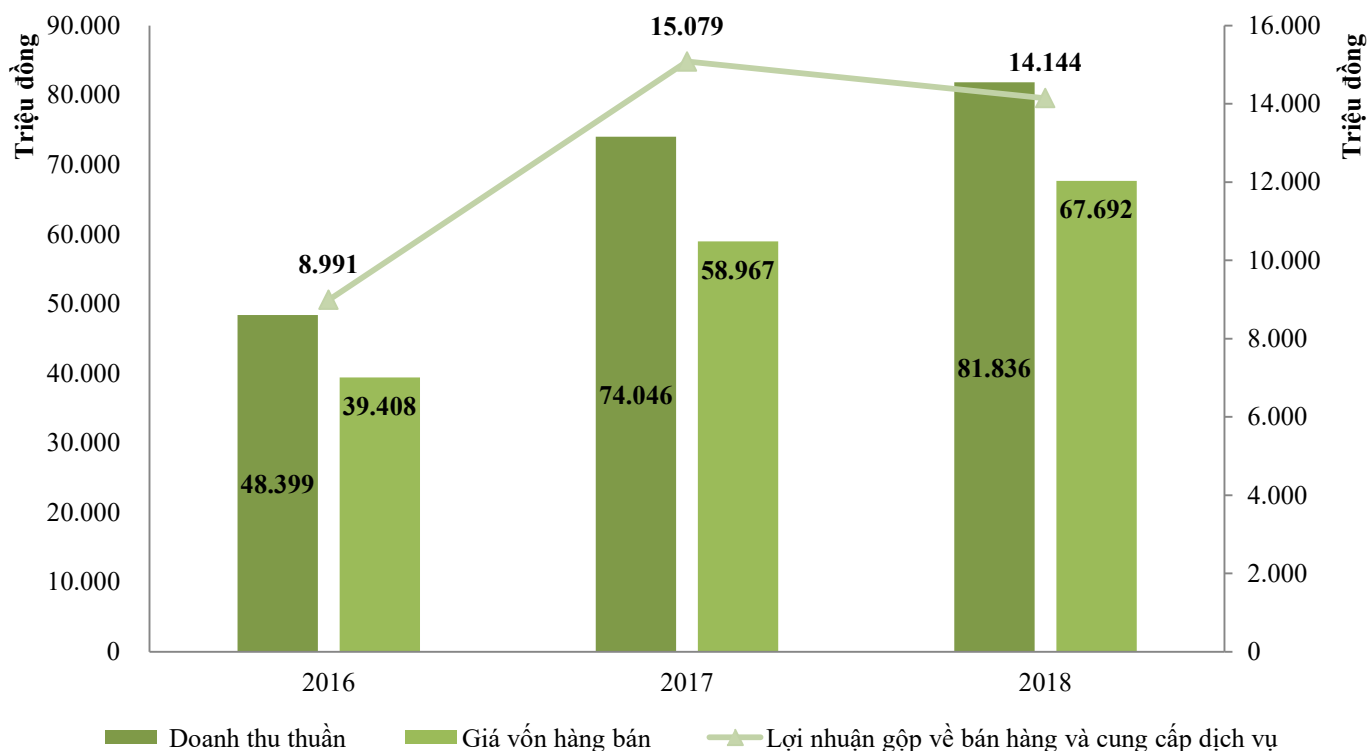


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/giảm
1	Tổng tài sản	99.603	100.510	0,91%
2	Doanh thu thuần	74.046	81.836	10,52%
3	Giá vốn hàng bán	58.967	67.692	14,80%
4	Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	15.079	14.144	-6,20%
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.988	3.507	17,38%
6	Lợi nhuận trước thuế	2.989	3.449	15,39%
7	Lợi nhuận sau thuế	2.358	2.740	16,18%

Hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm



Hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích – ngành nghề gắn bó mật thiết với xã hội và không thể thiếu đối với đời sống thường nhật của con người, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn duy trì và tăng trưởng tương đối ổn định, doanh thu thuần năm 2018 tăng 10,52% so với cùng kỳ năm 2017 đạt hơn 81 tỷ đồng. Tuy nhiên do giá vốn năm 2018 tăng 14,8% so với năm 2017 nên làm cho lợi nhuận gộp của Công ty giảm từ 15 tỷ còn 14 tỷ, tương ứng giảm 6,2% so với năm 2017.

Mặc dù, lợi nhuận gộp giảm nhưng lợi nhuận thuần tăng 17,38% so với năm 2017, nguyên nhân do trong năm 2018 chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 14,25% so với năm 2017 từ 12 tỷ giảm còn hơn 10 tỷ. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế tăng lần lượt là 15,39% và 16,18% so với năm 2017. Như vậy, hoạt động kinh doanh năm 2018 đều tăng trưởng ổn định, ở mức bền vững, các chỉ tiêu đều vượt kế hoạch năm 2018 tạo bước đà phát triển tốt trong tương lai cho Công ty.



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,28	1,32
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,26	1,31
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	69,91	69,68
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	232,34	229,87
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	64,60	65,00
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,78	0,82
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,19	3,35
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	7,98	9,07
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	2,47	2,74
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	4,03	4,29



TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 2.753.280 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 2.753.280 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần



Cơ cấu cổ đông

(tính đến ngày 27/11/2018)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông Nhà nước	1.458.400	14.584.000.000	52,97
II	Cổ đông nội bộ	936.129	9.361.290.000	34,00
III	Cổ đông trong nước	2.753.280	27.532.800.000	100,00
1	Cá nhân	784.030	7.840.300.000	28,48
2	Tổ chức	1.969.250	19.692.500.000	71,52
	Tổng cộng	2.753.280	27.532.800.000	100,00

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cá nhân/tổ chức (người đại diện)	Phân loại cổ đông		Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ CP năm giữ (%)
		Cổ đông nhà nước	Cổ đông lớn		
1	UBND Tỉnh Bình Thuận	x		1.458.400	52,97
2	Công ty TNHH Nhật Hoàng		x	368.058	13,37
3	Lê Quang Huy		x	434.271	15,77

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

Các chứng khoán khác: Không có.





TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty luôn sử dụng nguồn vật liệu theo đúng quy định, đúng chỉ tiêu từng hạng mục công trình, đảm bảo về số lượng và chất lượng.

- **Tiêu thụ năng lượng**

Phục vụ trong lĩnh vực môi trường, hoạt động của Công ty tương đối ít gây tác động xấu đến môi trường và xã hội. Công ty làm tốt công tác quản lý hệ thống chiếu sáng của thành phố Phan Thiết, nguồn điện tiêu thụ cung cấp đúng quy định, có kế hoạch tiết giảm hợp lý theo từng khu vực và thời gian, đảm bảo an toàn cho hoạt động của người dân đồng thời tiết kiệm cho ngân sách thành phố.

- **Tiêu thụ nước**

Công ty quản lý việc tưới tiêu cho mảng cây xanh của thành phố Phan Thiết, Công ty luôn tiết kiệm, sử dụng nguồn nước vừa đủ đảm bảo mảng xanh tươi mát cho mảng cây xanh thành phố đồng thời vẫn tiết kiệm kinh phí chăm sóc hàng năm.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong những năm qua, các văn bản quy định chi tiết thi hành quy phạm pháp luật, đánh giá tác động môi trường rất nhiều, tuy nhiên trong phạm vi quản lý của đơn vị, Công ty chỉ thực hiện những quy định về quản lý chất thải nguy hại, quản lý chất thải rắn thông thường, quản lý khí thải, quản lý nước thải, quản lý các chất thải đặc thù, quản lý sản phẩm thải bỏ.

Công ty thu gom và vận chuyển lượng rác thải của Thành phố đến nơi tập kết để xử lý. Các chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động đều được Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định. Trường hợp phát hiện những chất thải nguy hại, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường... Công ty đều có những thông tin báo cáo về cấp trên xử lý đúng quy định.





Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và tổ chức cho cán bộ, công nhân viên khám sức khỏe định kỳ, đo môi trường làm việc thực hiện đúng quy định của bộ lao động Thương binh và xã hội. Đối với mức tiền lương tiền thưởng và các khoản phải trả cho người lao động, Công ty luôn đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền lợi của cán bộ công nhân viên:

- Tiền lương: Mỗi năm căn cứ kế hoạch phân bổ tiền lương theo doanh thu đã được cơ quan đại diện vốn chủ sở hữu phê duyệt, Công ty tiến hành lập phương án tiền lương, thông qua các bộ phận trước khi Ban Lãnh đạo phê duyệt làm cơ sở trả lương cho người lao động. Mức lương hàng năm vẫn ổn định.
- Tiền thưởng: Thực hiện theo quy chế tiền thưởng đã được ban hành về thưởng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ Ban Điều hành, tổ chức tham quan du lịch đã được sự đồng thuận của người lao động.
- Ngoài các chế độ về tiền lương, thưởng Công ty vẫn thực hiện các chế độ theo quy định khác như: Nộp tiền bảo hiểm bắt buộc cho người lao động (24%), các chế độ về ốm đau, thai sản, tiền bảo hiểm con người khi có ốm đau tai nạn, tiền trợ cấp thôi việc, tiền ăn giữa ca, chế độ bảo hộ lao động, bồi dưỡng hiện vật, tiền hỗ trợ đám tang, hiếu hỷ....

Ngoài ra, Công ty lập quỹ tình thương, quỹ khuyến học, hằng năm tổ chức lễ tuyên dương học sinh giỏi là con em người lao động trong Công ty.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty có trách nhiệm cao với cộng đồng địa phương, thực hiện tốt nhiệm vụ giữ gìn vệ sinh môi trường, sự xanh sạch đẹp của thành phố, là đơn vị tài trợ cho các hoạt động về môi trường của địa phương, các hoạt động về nguồn. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh luôn có các hoạt động phối hợp với Thành đoàn thành phố Phan Thiết thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm cộng đồng của Công ty như hưởng ứng Giờ Trái đất, ngày môi trường, trao học bổng cho học sinh nghèo vượt khó... trong địa bàn tỉnh Bình Thuận. Riêng đối với các hoạt động về vệ sinh môi trường như trồng cây, thăm cỏ, vệ sinh, trang trí đèn chiếu sáng đường phố trong các dịp lễ tết, Công ty luôn thực hiện, góp phần giữ gìn cảnh quan đô thị và môi trường xanh sạch đẹp cho thành phố.

3

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty
- Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán ngoại trừ





Analysis

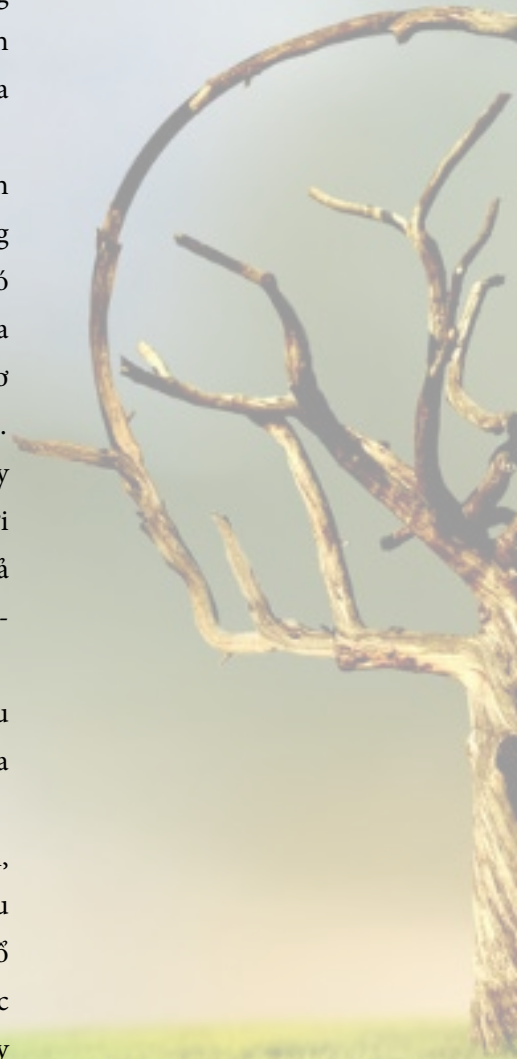


ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Những khó khăn, thuận lợi trong năm 2018

Thuận lợi:

- Là Công ty Cổ phần có vốn nhà nước chiếm 52,97% trên tổng vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực công ích, chỉ đạo của Nhà nước và các ngành hữu quan nhằm hỗ trợ cho quá trình kinh doanh, từ đó, giúp Công ty có được những điều kiện thuận lợi để phát triển và mở rộng sản xuất. Các cơ quan, ban ngành có nhiều chính sách hỗ trợ cho Công ty trong quá trình hoạt động tại địa phương.
- Thành phố Phan Thiết là trung tâm kinh tế, chính trị, du lịch của tỉnh Bình Thuận nên là một địa phương quan trọng và có tiềm lực phát triển sâu rộng về kinh tế, chính trị, xã hội. Việc đáp ứng nhu cầu của tiềm năng phát triển đó đòi hỏi sự phát triển cân bằng tổng thể các lĩnh vực của Tỉnh Bình Thuận. Qua đó các doanh nghiệp tại tỉnh Bình Thuận nói chung và Công ty nói riêng có cơ hội để phát triển từ sự đầu tư của Tỉnh nhà và các nhà đầu tư từ nơi khác đến.
- Nằm ở địa bàn trung tâm của Tỉnh Bình Thuận, là một lợi thế cho Công ty trong việc cung cấp Dịch vụ công ích trong vùng. Địa phương cũng là một nơi đang có sự phát triển về công nghiệp hóa, đặc biệt là trung tâm du lịch của cả nước, nhu cầu bảo vệ giữ gìn vệ sinh môi trường của người dân và doanh nghiệp sản xuất là rất lớn. Đây là tiền đề cho sự phát triển của Công ty.
- Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành và là đơn vị đã hoạt động lâu dài tại địa phương, Công ty đảm bảo nguồn cung đầu vào và nguồn cầu đầu ra cho dịch vụ công ích ổn định.
- Công ty có định hướng rõ ràng trong việc phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Định hướng phát triển của Công ty gắn liền với sự phát triển các khu dân cư, khu công nghiệp tại thành phố Phan Thiết. Về lâu dài, Công ty sẽ tổ chức hoạt động thu gom rác thải và các hoạt động khác mang tính khoa học và chuyên nghiệp hơn đồng thời phát huy thêm những thế mạnh của Công ty bằng cách chuyển dịch một số ngành nghề hoạt động.



Khó khăn

- Giá cả vật tư, nhiên liệu không ổn định do biến động thị trường làm chi phí đầu vào tăng ảnh hưởng đến đơn giá đặt hàng của Công ty trong khi các Sở ngành tham mưu UBND tỉnh Bình Thuận ban hành định mức, đơn giá còn thấp làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Doanh nghiệp.
- Chi phí quản lý chung do UBND tỉnh Bình Thuận xác định chỉ bằng 50% định mức quy định của Bộ Xây dựng.
- Ý thức của một bộ phận nhân dân còn hạn chế trong việc tham gia giữ gìn vệ sinh công cộng và các công trình hạ tầng đô thị, một số ít người dân vẫn có xu hướng tự đem rác ra đổ bừa bãi ở những nơi công cộng, tự ý chặt phá, hủy hoại cây xanh, thả rông bò ăn hoa cỏ công viên gây mất cảnh quan đô thị.
- Về nguồn vốn đầu tư mua sắm phương tiện vận chuyển rác đang gặp nhiều khó khăn, một phần do nguồn vốn doanh nghiệp tại thời điểm thực hiện chuyển đổi không nhiều do phần lớn được định giá lại từ các tài sản là các nhà xưởng, kho tàng đã khấu hao hết; các phương tiện vận chuyển thường xuyên hư hỏng, một số xe gần hết niên hạn lưu hành, đồng thời công nợ dịch vụ công ích của thành phố kéo dài nhiều năm nên Công ty không có nguồn vốn để đầu tư sắm mới tài sản thay thế, bổ sung hàng năm; số dư nợ đến cuối năm 2018 chiếm tỷ lệ trên 40% giá trị đặt hàng năm 2018.





Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2017	TH 2018	% tăng/ giảm
Doanh thu thuần	74.046	81.836	10,52%
Lợi nhuận trước thuế	2.989	3.449	15,39%
Lợi nhuận sau thuế	2.358	2.740	16,18%

Doanh thu thuần của Công ty trong năm 2018 đạt mức hơn 81 tỷ đồng, tăng 10,52% so với năm trước, lợi nhuận sau thuế năm 2018 đạt mức 2,7 tỷ đồng, tăng 16,18% so với năm 2017. Nguyên nhân của việc tăng tương đối trong lợi nhuận sau thuế này là do chi phí quản lý doanh nghiệp cũng như các chi phí giảm trong năm. Do đó, Công ty đạt được mức lợi nhuận tăng trưởng khá tốt trong năm 2018.

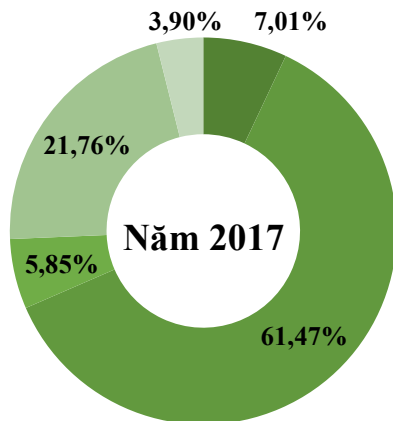
Trong năm 2018, Công ty đã phải đối mặt với những vấn đề khó khăn, bất ổn định, tuy nhiên với sự nỗ lực trong công tác quản lý và luôn nâng cao hiệu quả phục vụ trong lĩnh vực dịch vụ công ích, Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận đã cố gắng thực hiện mục tiêu và kế hoạch đã đề ra, mang đến những giá trị bền vững cho môi trường, nhân viên và cộng đồng là mục tiêu hàng đầu của Công ty.



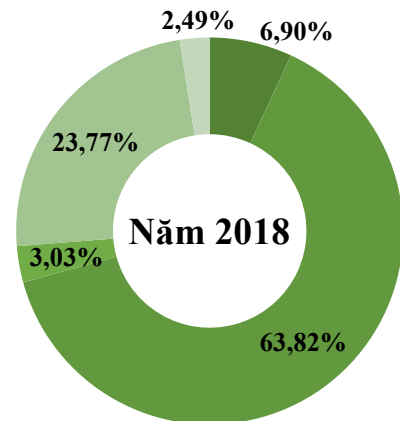
Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

DVT: triệu đồng

STT	Chi phí	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/giảm
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.998	5.399	8,02%
2	Chi phí nhân công	43.823	49.940	13,96%
3	Chi phí khấu hao TSCĐ	4.170	2.370	-43,17%
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.515	18.599	19,88%
5	Chi phí khác bằng tiền	2.782	1.949	-29,94%
Tổng cộng		71.288	78.257	9,78%



- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác bằng tiền



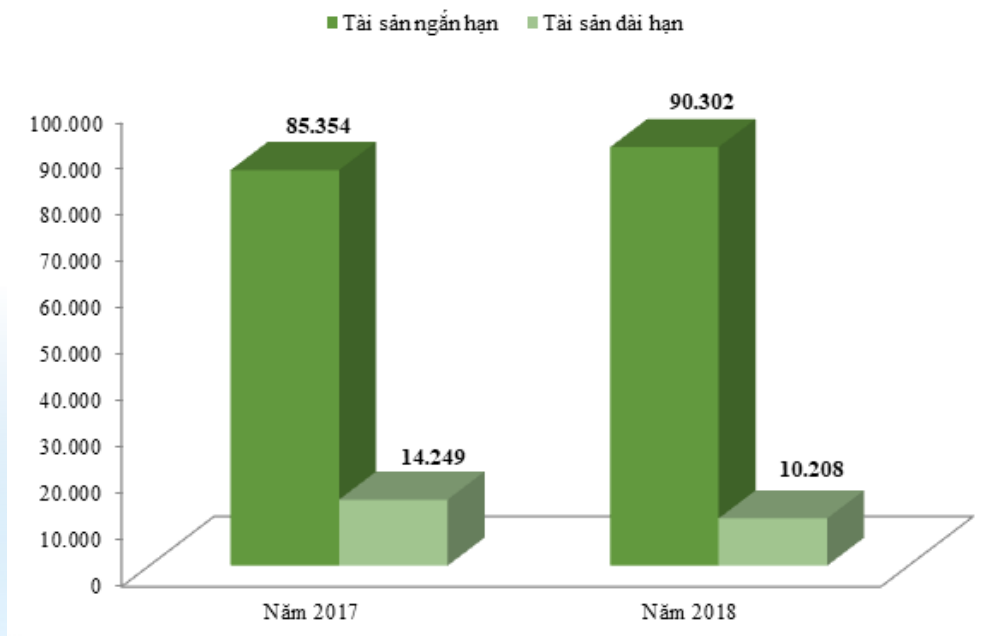
Tổng chi phí năm 2018 tăng 9,78% so với cùng kỳ năm 2017, đạt mức 78,26 tỷ đồng. Trong đó, chi phí nhân công chiếm tỷ trọng 63,82% cao nhất so với các chi phí còn lại. Chi phí nhân công năm 2018 tăng 13,96% so với cùng kỳ 2017. Việc tăng lương này là một hoạt động khuyến khích tinh thần làm việc, tạo động lực đóng góp công sức vào hoạt động chung của người lao động và gắn bó với Công ty hơn. Các chi phí dịch vụ mua ngoài có giá trị lớn (khoảng 18,6 tỷ đồng) như thuê đội ngũ sửa chữa định kỳ các máy móc thiết bị, tư vấn xây dựng các công trình... chiếm tỷ trọng khoảng 23,77% trong năm 2018; chi phí này tăng 19,88% so với năm 2017. Tiếp theo đó là chi phí nguyên vật liệu chiếm 6,9% trong cơ cấu chi phí, cụ thể như: các dụng cụ vệ sinh, cây trồng,... Còn lại khoản chi phí khấu hao chiếm trên 3,03% trong cơ cấu chi phí và các chi phí khác khoản 2,49% không đáng kể.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/giảm	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018
Tài sản ngắn hạn	85.354	90.302	5,80%	85,69%	89,84%
Tài sản dài hạn	14.249	10.208	-28,36%	14,31%	10,16%
Tổng tài sản	99.603	100.510	0,91%	100%	100%



Tài sản năm 2018 của Công ty đạt giá trị hơn 100 tỷ đồng tăng 0,91% so với năm 2017. Về cơ cấu, tài sản ngắn hạn luôn chiếm hơn 80% trong cơ cấu tài sản của Công ty. Do tính chất ngành nghề công việc của Công ty là dịch vụ công ích nên phần nhiều tài sản đến từ tài sản ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động thường xuyên. Các tài sản cố định giá trị lớn đã đầu tư lâu nên đã khấu hao gần hết.

Tài sản ngắn hạn năm 2018 hơn 90 tỷ đồng tăng 5,8% so với cùng kỳ năm 2017. Chiếm phần lớn trong tài sản ngắn hạn là khoản phải thu khách hàng đạt hơn 63 tỷ đồng, tăng 41,35% so với năm 2017, khoản mục này lớn là do các dịch vụ công ích được cung cấp cho khách

hàng đã hoàn thành nhưng chưa thu hồi công nợ với chính sách bán hàng trả chậm của Công ty, một phần đến từ khó khăn việc đến từ chậm thu tiền các công trình đã nghiệm thu quyết toán nhưng ngân sách Nhà nước chi trả còn chậm. Trong đó, khoản tăng của các khoản phải thu chủ yếu đến từ UBND Thành phố Phan Thiết. Các khoản tiền mặt và tiền gửi ngân hàng với kỳ hạn ngắn vẫn được Công ty duy trì vì hoạt động kinh doanh đòi hỏi một lượng lớn thanh khoản chi thường xuyên như mua sắm công cụ, dụng cụ vệ sinh, trang phục, thiết bị bảo hộ lao động, vật liệu xây dựng,... Năm 2018, Công ty đã giảm khoản tương đương tiền do đó là khoản tiền gửi kỳ hạn không quá 03 tháng.



Tài sản dài hạn chiếm phần nhỏ khoảng hơn 10%-15% trong cơ cấu tài sản. Tài sản dài hạn chủ yếu là tài sản cố định hữu hình của Công ty, chi tiết như sau:

DVT: Đồng

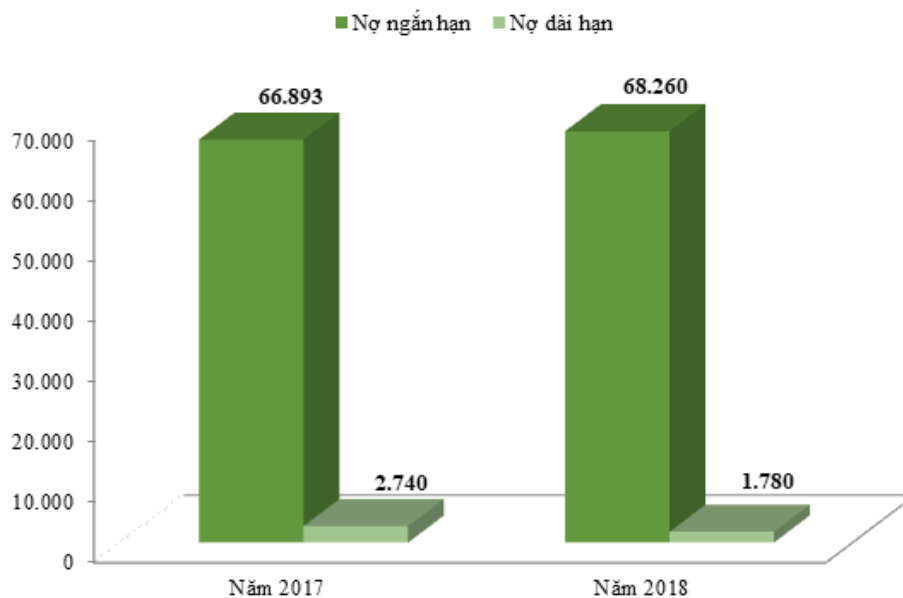
Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	6.562.189.720	2.406.817.584	36,68%
Máy móc thiết bị	197.069.000	89.378.573	45,35%
Phương tiện vận tải	21.980.876.613	6.948.329.064	31,61%
TSCĐ khác	111.536.364	0	-
Tổng cộng	28.851.671.697	9.444.525.221	32,73%



Tình hình nợ phải trả

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/giảm	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018
Nợ ngắn hạn	66.893	68.260	2,04%	96,07%	97,46%
Nợ dài hạn	2.740	1.780	-35,04%	3,93%	2,61%
Tổng nợ phải trả	69.633	70.040	0,58%	100,00%	100,00%



Nợ ngắn hạn chiếm hơn 97% trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty trong năm 2018. Tổng nợ phải trả trong năm 2018 là 70 tỷ đồng, tăng 0,58% so với năm 2017. Các khoản nợ ngắn hạn chủ yếu là lương nhân viên chiếm 50,44%, tăng 25,06% so với năm 2017, khoản mục này chiếm tỷ trọng cao do Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ nên chi phí chủ yếu sẽ là chi phí cho nhân công. Tiếp theo là các khoản chi phí phải trả (trích trước chi phí công trình, trích trước chi phí lãi vay...) chiếm 25,86%, giảm 31,56% so với cùng kỳ năm 2017. Ngoài ra, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn trong năm đều là khoản vay Quỹ bảo vệ môi trường theo Hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường nhằm đầu tư mua xe chuyên dùng giai đoạn 2016 - 2021, tổng mức vay 3.700.000.000 đồng, thời hạn 4 năm, lãi suất vay là 2,6%/năm cố định trong thời gian vay.



Công tác điều hành triển khai hoạt động SXKD

- Triển khai dự án đầu tư mua sắm xe chuyên dùng (lần 1) tiết kiệm, hiệu quả đảm bảo vận chuyển rác thải, đồng thời duy tu hệ thống chiếu sáng đô thị, xử lý cây xanh trên địa bàn Thành phố Phan Thiết theo hợp đồng dịch vụ công ích với chủ đầu tư; xây dựng và mở rộng nhà để xe, sửa chữa nhà kho Cao Thắng và nhà làm việc Mũi Né theo như phương án đã được Hội đồng quản trị thông qua, duy tu sửa chữa phương tiện thường xuyên kịp thời, nâng cao tính năng sử dụng của các phương tiện đảm bảo phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Công ty từng bước hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp thích ứng với môi trường phát triển hoạt động mới, nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, đổi mới phương thức quản lý, khuyến khích tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công ích đẩy mạnh hoạt động kinh doanh dịch vụ khác, tập trung phát triển doanh thu hoạt động xây dựng cơ bản, tăng cường áp dụng các phương án khoán mang lại hiệu quả ở một số lĩnh vực hoạt động của Công ty.
- Tích cực đối chiếu và thu hồi công nợ. Công ty làm việc với các cấp, ngành và UBND Thành phố Phan Thiết để được cấp kinh phí duy trì hoạt động SXKD, cân đối về tài chính để thanh toán nhiên liệu, chi trả lương, thưởng và các chế độ cho người lao động, đóng BHXH, thất nghiệp, y tế, kinh phí công đoàn, nộp thuế và các khoản chi phí khác.
- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018, Công ty đã phấn đấu đạt tổng doanh thu, tổng chi phí và lợi nhuận trước và sau thuế hoàn thành tốt kế hoạch do ĐHCĐ đề ra. Đây là thành quả của sự phấn đấu liên tục, xuyên suốt trong năm của toàn thể Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên của Công ty.

Về Công tác nhân sự

- Đòi hỏi và thu nhập bình quân người lao động trong Công ty ngày một ổn định, thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho người lao động đúng quy chế lương thưởng của Hội đồng quản trị ban hành, đảm bảo trả
- lương cho người lao động trước ngày 10 hàng tháng, chính sách tiền lương, tiền thưởng tạo động lực cho người lao động nâng cao năng suất lao động, yên tâm công tác.
- Nâng cao năng lực quản lý kinh doanh, đổi mới phương thức quản lý, xây dựng bộ máy quản lý ngày càng chuyên nghiệp, ngang tầm với từng bước phát triển của Công ty.
- Tăng cường, khuyến khích các hình thức tập huấn đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề, kỹ năng làm việc nhằm đáp ứng yêu cầu về nguồn lực phát triển của Doanh nghiệp.



Về quyết toán sản lượng dịch vụ với chủ đầu tư

Công ty tích cực đẩy nhanh tiến độ quyết toán giá trị sản lượng dịch vụ công ích đô thị với UBND Thành phố Phan Thiết để hoàn tất hồ sơ bàn giao vốn và tài sản từ Công ty Nhà nước sang Công ty CP, đồng thời triển khai Đại hội đồng cổ đông thường niên đúng theo quy định, đảm bảo chi trả cổ tức đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Để kiện toàn bộ máy nhân sự Công ty nhằm đảm bảo mang lại hiệu quả, Ban Điều hành đã triển khai tổ chức đánh giá lại đội ngũ cán bộ quản lý, tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức từ bộ phận quản lý đến các bộ phận trực tiếp theo hướng tinh gọn, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị. Bố trí cán bộ phù hợp chuyên môn nghiệp vụ. Trong năm Công ty đã bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc điều hành lĩnh vực công cộng.

VỀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Trong năm Công ty bổ sung điều chỉnh các quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế tiền lương, tiền thưởng, sửa đổi bổ sung điều lệ Công ty...

Quá trình nghiên cứu, phát triển sản phẩm và dịch vụ mới

Do tính chất đặc thù của ngành dịch vụ công ích, các công ty trong lĩnh vực này thường bị hạn chế trong danh mục các sản phẩm của mình. Chính vì vậy công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ mới thường bị thu hẹp trong các sản phẩm hiện có, thiếu các sản phẩm tiềm năng, mang tính đột phá cao. Đây sẽ là một thách thức cực kỳ lớn cho Công ty sau khi cổ phần hóa, đồng thời cũng là cơ hội để Công ty có thể thay đổi mô hình hoạt động nhằm mở rộng quy mô và lĩnh vực sản xuất, nâng cao hiệu quả cho Công ty.





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



Trong năm 2018, Công ty đã tham gia tốt nhiều hoạt động bảo vệ môi trường cũng như phục vụ công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố. Công ty đã không ngừng nâng cao, đề xuất các kế hoạch quản lý và các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, có chương trình giám sát và quản lý giai đoạn vận hành, phải thu gom và xử lý chất thải rắn, ở địa bàn thành phố Phan Thiết, và các vùng lân cận.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty quan tâm đến mục tiêu cung cấp môi trường làm việc tốt để làm việc, khuyến khích phát triển nghề nghiệp và chăm sóc sức khỏe, tinh thần và vật chất của nhân viên.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao đối với giá trị con người, thông qua việc giữ vững môi trường xanh, cung cấp dịch vụ chất lượng nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cho cộng đồng.



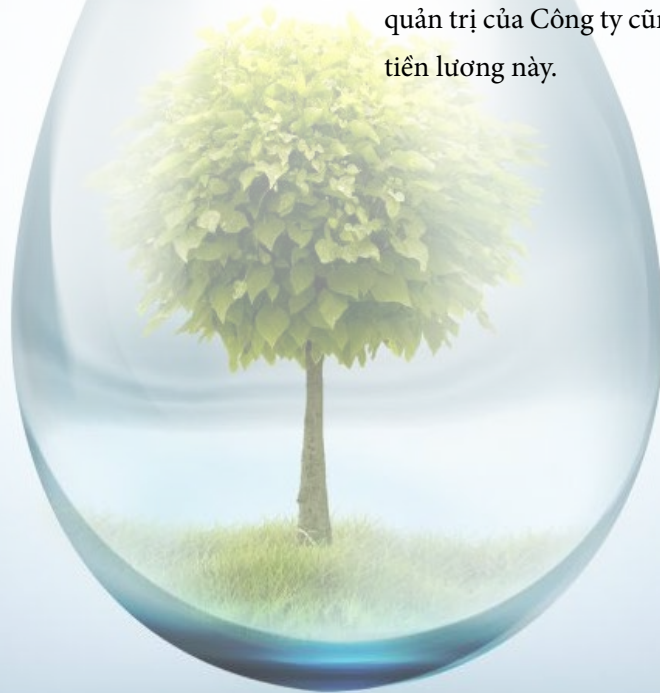
GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN NGOẠI TRƯ

- Tại điểm (*) của Thuyết minh số 14 Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2018, trong tổng chi phí phải trả của Công ty có 17.406.666.274 đồng là khoản trích trước chi phí xây lắp các công trình. Tính trung thực và hợp lý của khoản chi phí trích trước này còn tùy thuộc vào chứng từ gốc thanh toán thực tế sau này.

Giải trình: Khoản chi phí phải trả ngắn hạn liên quan đến các khoản trích trước giá vốn chi phí công trình của năm trước, với số tiền trích trước lũy kế tính đến thời điểm 31/12/2018 là 17.406.666.274 đồng. Khoản trích trước này hiện tại chưa có hóa đơn, chứng từ đầy đủ làm cơ sở cho việc quyết toán nội bộ của Công ty, mặt khác các công trình XDCB được sử dụng từ nguồn vốn từ NSNN và chưa được các chủ đầu tư phê duyệt quyết toán, do đó Công ty chưa có cơ sở để thanh toán chi phí công trình cho các Đội.

- Công ty đã xây dựng kế hoạch tiền lương và thực hiện trích 38.024.588.233 đồng quỹ lương vào chi phí năm 2018. Tuy nhiên, cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, đại diện phần vốn góp Nhà nước chưa có ý kiến và Hội đồng quản trị của Công ty cũng chưa phê duyệt quỹ lương này.

Giải trình: Quỹ tiền lương của Công ty được xây dựng theo quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước. Trong năm 2018 Công ty đã xây dựng kế hoạch tiền lương và thực hiện trích 38.024.588.233 đồng quỹ lương vào chi phí năm 2018. Tuy nhiên, cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, đại diện phần vốn góp Nhà nước 52,97% trên vốn điều lệ chưa có ý kiến và Hội đồng quản trị của Công ty cũng chưa có cơ sở để phê duyệt quỹ tiền lương này.



4

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



Business Analysis



Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Công ty hoạt động sản xuất theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

Kết quả sản xuất - kinh doanh năm 2018 thực hiện:

Công ty đã thực hiện vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra.

- Tổng doanh thu đạt 81,93 tỷ đồng, đạt 115,84% kế hoạch;
- Lợi nhuận đạt 3,45 tỷ đồng, tăng 14,96% so với kế hoạch đề ra;
- Nộp ngân sách 2,97 tỷ đồng;
- Thu nhập bình quân người lao động 7,28 triệu đồng/tháng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hoạt động giám sát

Hội đồng quản trị thực hiện công tác giám sát Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Chủ tịch HĐQT tham gia đầy đủ các buổi họp giao ban hàng tháng của Ban Giám đốc. Hội đồng quản trị đã nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh hàng tháng và kịp thời kiểm tra chỉ đạo đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ đúng quy định pháp luật, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT đã ban hành. Kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết, Quyết định HĐQT theo tiến độ triển khai thực hiện, Ban Giám đốc báo cáo kết quả triển khai theo từng nội dung thực hiện cho HĐQT để theo dõi; giám sát cụ thể: Tình hình thực hiện các hoạt động dịch vụ đô thị công ích, kế hoạch đầu tư XDCB, mua sắm tài sản cố định và sửa chữa lớn tài sản cố định và việc thực hiện các định mức đầu tư, kinh tế kỹ thuật, lao động, tiền lương...

Xây dựng kế hoạch và đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, cung cấp thông tin; kiểm soát chi phí và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh đảm bảo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với Kế hoạch tài chính Công ty đã xây dựng

Bước đầu thực hiện việc đánh giá năng suất lao động nhằm nâng cao hiệu quả điều hành. Kiểm tra việc thực hiện các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước.

Mặc dù giá trị dịch vụ công ích chưa được UBND TP Phan Thiết phê duyệt nhưng Ban Giám đốc Công ty đã có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm 2018 để thực hiện kiểm toán BCTC và thực hiện công bố thông tin đúng theo thời gian quy định.

Kết quả giám sát

Hội đồng quản trị bước đầu đánh giá cao về sự nỗ lực của Ban Giám đốc và các phòng, đội của Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm 2018 do ĐHĐCĐ đề ra. Để có được kết quả kinh doanh năm vừa qua là sự cố gắng rất lớn của Ban điều hành và tập thể người lao động toàn Công ty, trên cơ sở tuân thủ nghiêm túc.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2019 là năm doanh nghiệp tiếp tục gặp nhiều khó khăn về vốn và phương tiện vận chuyển, các loại xe chuyên dùng đã quá cũ, giá trị lợi thế thương mại sau 04 năm mới trở thành tiền vốn của doanh nghiệp, việc vay Ngân hàng để đầu tư phương tiện cũng hết sức khó khăn vì tài sản nhà cửa của Doanh nghiệp chưa chính chủ và giá trị còn lại quá thấp. Dù khó khăn nhưng HĐQT Công ty quyết tâm Xây dựng kế hoạch phát triển Công ty theo hướng bền vững, gắn liền lợi ích Công ty với lợi ích người lao động và cổ đông gắn với cộng đồng, chú trọng thực hiện các giải pháp sau:

- Tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát chặt chẽ sự điều hành của Ban Giám đốc Công ty, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, đổi mới phương thức quản lý, khuyến khích tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công ích đẩy mạnh hoạt động kinh doanh dịch vụ khác, tập trung phát triển doanh thu hoạt động xây dựng cơ bản, nghiên cứu áp dụng các phương án khoán mang lại hiệu quả ở một số lĩnh vực hoạt động của Công ty.
- Phấn đấu đạt tổng doanh thu, lợi nhuận thực hiện và mức chi trả cổ tức, nộp ngân sách Nhà nước hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
- Triển khai phương án đầu tư phương tiện thu gom vận chuyển rác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQT ngày 19/03/2019 của Hội đồng quản trị.
- Lập thủ tục Vay vốn tại Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để đảm bảo nguồn vốn đầu tư phương tiện theo phương án đã phê duyệt tại Quyết định số 03/QĐ-HĐQT;
- Thực hiện chủ trương thành lập Công ty con trực thuộc Công ty cổ phần môi trường và dịch vụ đô thị Bình Thuận;
- Thực hiện tốt Công tác thu gom vận chuyển rác về nhà máy xử lý rác của Thành phố Phan Thiết .
- Củng cố năng lực, nghiên cứu phương án SXKD hiệu quả nhất để tham gia đấu thầu lĩnh vực công viên cây xanh trên địa bàn thành phố Phan Thiết năm 2019 theo chủ trương của UBND Tỉnh, Riêng đối với các công trình XD CB thực hiện trong điều kiện đáp ứng đủ khả năng tài chính của doanh nghiệp.
- Tiếp tục đẩy nhanh tốc độ thu hồi nợ giai đoạn 2017 – 2020 và kế hoạch năm 2019 đã được phê duyệt.



5

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Danh sách thành viên Hội đồng quản trị
- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát





DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(tại ngày 27/11/2018)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Mạnh	Chủ tịch HĐQT	19.000	0,69%
2	Lê Quang Huy	Thành viên HĐQT	802.329	29,14%
3	Mai Hữu Việt	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	2.500	0,09%
4	Trà Thị Thành	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	53.900	1,58%
5	Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	33.000	1,20%



CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi dự họp	Tỷ lệ
1	Trần Mạnh	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%
2	Mai Hữu Việt	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	4/4	100%
3	Trà Thị Thành	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	4/4	100%
4	Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	4/4	100%
5	Lê Quang Huy	Thành viên HĐQT	4/4	100%

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

Trong năm, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết:

STT	Số nghị quyết/ quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	30/6/2018	Thông qua các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018: 1. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018; 2. Tờ trình Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017; 3. Báo cáo của Hội đồng quản trị; 4. Báo cáo của Ban Kiểm soát; 5. Tờ trình mức chia cổ tức năm 2017; 6. Thông qua Kế hoạch tài chính và phân phối lợi nhuận 2018; 7. Tờ trình lựa chọn đơn vị Kiểm toán BCTC năm 2018; 8. Miễn nhiệm và bầu cử thành viên Ban Kiểm soát.
2	02/NQ-HĐQT	06/11/2018	Thực hiện theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản về việc thống nhất miễn nhiệm vị trí kiểm soát viên đối với ông Nhâm Anh Tuấn và bầu bổ sung bà Võ Thị Thanh Sương làm thành viên Ban Kiểm soát. Thực hiện theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
3	03/NQ-HĐQT	06/11/2018	Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận.
4	04/NQ-HĐQT	18/12/2018	Thông qua 02 nội dung: 1. Miễn nhiệm chức danh Kiểm soát viên đối với ông Nhâm Anh Tuấn; 2. Bầu bổ sung bà Võ Thị Thanh Sương làm thành viên Ban Kiểm soát trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016-2021.
5	01/QĐ-HĐQT	08/01/2018	Thu hồi và hủy Quyết định số 14/QĐ-HĐQT ngày 19/12/2017 của HĐQT về việc thành lập Tổ giúp việc Hội đồng quản trị.
6	02/QĐ-HĐQT	01/3/2018	Ban hành hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận.
7	03/QĐ-HĐQT	23/3/2018	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận.
8	04/QĐ-HĐQT	12/4/2018	Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 19/QĐ-HĐQT ngày 14/02/2016 của HĐQT v/v ban hành quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Công ty.
9	05/QĐ-HĐQT	21/5/2018	Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
10	06/QĐ-HĐQT	20/6/2018	Trích lập quỹ dự phòng tiền lương năm 2017.
11	07/QĐ-HĐQT	13/7/2018	Ban hành quy trình tuyển dụng chức danh Phó giám đốc Công ty.
12	08/QĐ-HĐQT	04/8/2018	Thành lập Hội đồng tuyển dụng chức danh Phó giám đốc Công ty.
13	09/QĐ-HĐQT	16/8/2018	Phê duyệt kết quả sử dụng lao động, quỹ tiền lương thực hiện 8 tháng cuối năm 2016 của người quản lý tại Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận.
14	10/QĐ-HĐQT	16/8/2018	Phê duyệt kết quả sử dụng lao động, quỹ tiền lương thực hiện năm 2017 của người quản lý tại Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận.
15	11/QĐ-HĐQT	17/9/2018	Sửa đổi bổ sung một số nội dung trong quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.
16	12/QĐ-HĐQT	16/11/2018	Sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận.
17	13/QĐ-HĐQT	26/11/2018	Chi thưởng người quản lý Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết giai đoạn từ năm 2014 đến 04 tháng năm 2016.
18	14/QĐ-HĐQ	26/11/2018	Chi thưởng người quản lý Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận giai đoạn từ tháng 05 năm 2016 đến năm 2017.
19	15/QĐ-HĐQ	30/11/2018	Phê duyệt dự toán sửa chữa Kho Cao Thắng.
20	16/QĐ-HĐQ	08/12/2018	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Quy chế làm việc của Ban giám đốc.



DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Thị Giác	Trưởng BKS	4.400	0,16%
2	Bùi Thị Kim Phượng	Thành viên BKS	6.100	0,22%
3	Võ Thị Thanh Sương	Thành viên BKS	0	0%

Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban giám đốc theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty;
 - Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các quyết định, quy chế của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - Giám sát thủ tục đầu tư mua sắm tài sản của Công ty; giám sát quá trình vay vốn đầu tư tài sản của doanh nghiệp;
 - Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng, năm 2018 đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhập chứng từ, sổ sách kế toán; kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động của Công ty; kiểm soát chi phí, doanh thu, việc sử dụng vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán.
 - Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tổ chức 05 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên Ban kiểm soát để đánh giá kết quả công việc đã thực hiện với các nội dung cụ thể như sau:
 - Ngày 12/03/2018: Ban kiểm soát họp triển khai kế hoạch công tác năm 2018 và phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Ban kiểm soát; Thẩm định báo cáo tài chính năm 2017; Thông qua dự thảo Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.
 - Ngày 10/07/2018: Ban kiểm soát họp phân công nhiệm vụ cho bà Bùi Thị Kim Phượng thực hiện các nội dung theo KH năm 2018; thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018; góp ý quy trình tuyển dụng chức danh Phó Giám đốc Công ty; Kiểm tra việc ký kết các hợp đồng kinh tế và việc quản lý công nợ; tiền lương, chế độ của người lao động...trong năm 2018.
 - Ngày 30/10/2018: Họp lấy ý kiến miễn nhiệm ông Nhân Anh Tuấn và bầu bổ sung bà Võ Thị Thanh Sương làm thành viên Ban Kiểm Soát; thống nhất chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018; kiểm tra tình hình thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật, việc mua sắm vật tư; giám sát tiến độ thực hiện các phương án đầu tư của Công ty; Kiểm tra việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban giám đốc Công ty trong công tác quản lý điều hành phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - Ngày 20/12/2018: Ban kiểm soát họp phân công nhiệm vụ cho bà Võ Thị Thanh Sương thực hiện các nội dung theo KH năm 2018; triển khai kế hoạch kiểm tra việc ghi chép, cập nhập chứng từ, sổ sách kế toán; đánh giá kết quả hoạt động của BKS trong năm 2018 và xây dựng kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát năm 2019.
- Ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, Ban kiểm soát cũng thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu và đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban kiểm soát nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban.



Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Cổ đông

Trong quá trình triển khai thực hiện dưới sự chỉ đạo của các cấp Đảng ủy, HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực điều hành doanh nghiệp bằng nhiều biện pháp tích cực trong việc tổ chức triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT đã đi vào thực tiễn, tổ chức hoạt động kinh doanh mang lại lợi nhuận, đảm bảo việc làm cho người lao động với thu nhập ổn định, duy trì và bảo toàn vốn và tài sản của Doanh nghiệp nói chung và toàn bộ số vốn góp của cổ đông tham gia tại Doanh nghiệp nói riêng.

HĐQT và Ban giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định, đảm bảo lợi ích của Công ty và của Cổ đông; thực hiện các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2018. Trình tự, thủ tục các phiên họp, việc thông qua các quyết định của HĐQT phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý nội bộ; tích cực phối hợp chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh nhằm ứng phó với những biến động của thị trường trong năm 2018; nộp ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động.

HĐQT, BGD đã tổ chức các cuộc họp ban hành các Nghị quyết, các quyết định kịp thời cho hoạt động kinh doanh của Công ty, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong quản lý, điều hành. Các thành viên HĐQT, Ban giám đốc Công ty đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của điều lệ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua. HĐQT Công ty thường xuyên giám sát các hoạt động của Ban giám đốc, kịp thời đưa ra các định hướng và chỉ đạo nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

HĐQT và Ban giám đốc thực hiện tốt các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định, đã tổ chức các cuộc họp ban hành các Nghị quyết, các quyết định kịp thời cho hoạt động kinh doanh của Công ty, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong quản lý, điều hành. Các thành viên HĐQT, Ban giám đốc Công ty đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của điều lệ và Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2018. Trình tự, thủ tục các phiên họp, việc thông qua các quyết định của HĐQT phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. HĐQT thường xuyên giám sát các hoạt động của Ban giám đốc, kịp thời đưa ra các định hướng và chỉ đạo nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát thường xuyên nhận được sự phối hợp từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng, Đội trực thuộc đã cung cấp kịp thời các thông tin, báo cáo, tài liệu về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình hoạt động tài chính của Công ty cho công tác kiểm tra, giám sát Ban Kiểm soát khi có yêu cầu. Bên cạnh đó, BKS cũng được mời tham dự các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc để cùng nắm bắt được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đưa ra các ý kiến đóng góp để HĐQT cân nhắc, xem xét trước khi ban hành Nghị Quyết, Quyết định. Trong năm 2018, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

Phương hướng hoạt động của BKS năm 2019

- Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát trình Đại hội kế hoạch hoạt động năm 2019 như sau:
- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty và pháp luật. Giám sát tình hình thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, chỉ thị của Hội đồng quản trị có liên quan đến hoạt động của Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- Tiếp tục nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý vốn, vật tư, tài sản của Công ty.
- Duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng, Đội trực thuộc Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch và các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.
- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật, biện pháp tiết kiệm chi phí.
- Thẩm tra báo cáo tài chính năm 2019.



LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Thành viên	Thù lao	Lương	Thưởng
A	Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	172.800.000	1.303.871.970	162.129.055
1	Trần Mạnh	-	361.494.663	40.726.055
2	Lê Quang Huy	43.200.000	-	8.300.000
3	Mai Hữu Việt	43.200.000	339.959.803	38.103.000
4	Đình Hồng Hà	-	41.452.691	-
5	Trà Thị Thành	43.200.000	296.968.008	37.500.000
6	Lê Thị Thanh Thủy	43.200.000	263.996.805	37.500.000
B	Ban kiểm soát	48.000.000	108.449.906	24.420.000
1	Nguyễn Thị Giác	-	108.449.906	12.420.000
2	Nguyễn Gia Phước Toại	12.000.000	-	6.000.000
3	Võ Thị Thanh Sương	1.000.000	-	-
4	Bùi Thị Kim Phượng	12.000.000	-	-
5	Nhâm Anh Tuấn	23.000.000	-	6.000.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Tên cổ đông nội bộ	Chức vụ/Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Giao dịch	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
1	Trà Thị Thành	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	43.700	Mua	10.200	53.900	Từ 01/02/2018 đến 01/03/2108
2	Lê Thị Thanh Thủy	Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	26.000	Mua	7.000	33.000	Từ 08/10/2018 đến 06/11/2018
3	Bùi Thị Kim Phượng	Thành viên BKS	7.000	Bán	900	6.100	Từ 08/10/2018 đến 05/11/2018

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH





STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	QUYẾT ĐỊNH	THỰC HIỆN
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Phan Thiết theo Quyết định số 2377/QĐ – UBND ngày 27/11/2012 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400861721 ngày 29/04/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 1 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp vào ngày 29/04/2016.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại sàn UPCOM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch chứng khoán BMD theo Quyết định số 415/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 06/06/2017.

Vốn điều lệ: 27.532.800.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2018: 27.532.800.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Số 578 Trần Hưng Đạo, Phường Đức Long, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.
- Điện thoại: (+84) 2523. 819572

Ngành nghề kinh doanh

- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh (Trồng hoa, cây cảnh, chăm sóc công viên và cây xanh công cộng);
- Trồng cây lâu năm khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng (Ươm giống cây lâm nghiệp);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại;
- Tái chế phế liệu;
- Xây dựng nhà các loại;



BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp);
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện (Thi công lắp đặt hệ thống điện trung - hạ thế, trạm biến áp, điện chiếu sáng, tín hiệu giao thông);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng (Trang trí nội, ngoại thất công trình);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2018 là 414 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 6 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập các Báo cáo này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Trần Mạnh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30/03/2016
• Ông Mai Hữu Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/03/2016
• Bà Trà Thị Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/03/2016
• Bà Lê Thị Thanh Thùy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/03/2016
• Ông Lê Quang Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/07/2016



BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**Ban kiểm soát**

• Bà Nguyễn Thị Giác	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30/03/2016
• Bà Võ Thị Thanh Sương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/12/2018
• Bà Bùi Thị Kim Phượng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/06/2018
• Ông Nhân Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/03/2016 Miễn nhiệm ngày 18/12/2018
• Ông Nguyễn Gia Phước Toại	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/03/2016 Miễn nhiệm ngày 30/06/2018

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Mai Hữu Việt	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06/05/2016
• Ông Đinh Hồng Hà	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/08/2018
• Bà Trà Thị Thành	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06/05/2016
• Bà Lê Thị Thanh Thùy	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 06/05/2016

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78 – 80 Đường 30 Tháng 4, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty



BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

tại thời điểm 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Mạnh

Bình Thuận, ngày 25 tháng 03 năm 2019





Số: 449/2019/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 20/03/2019 của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 7 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như trình bày tại điểm (*) của Thuyết minh số 14, trong tổng chi phí phải trả của Công ty có 17.406.666.274 đồng là khoản trích trước chi phí xây lắp các công trình. Tính trung thực và hợp lý của khoản chi phí trích trước này còn tùy thuộc vào chứng từ gốc thanh toán thực tế sau này.
2. Công ty đã xây dựng kế hoạch tiền lương và thực hiện trích 38.024.588.233 đồng quỹ lương vào chi phí năm 2018. Tuy nhiên, cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, đại diện phần vốn góp nhà nước chưa có ý kiến và Hội đồng Quản trị của Công ty cũng chưa phê duyệt quỹ lương này.



Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

(Handwritten signature in blue ink)

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2019

(Handwritten signature in blue ink)

Đỗ Thị Phượng Thủy – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2970-2019-010-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		90.302.047.596	85.354.375.545
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	8.444.657.371	14.392.573.745
1. Tiền	111		8.444.657.371	10.340.096.840
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.052.476.905
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.788.645.186	69.947.812.297
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	63.537.160.394	44.949.559.288
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	384.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	17.251.484.792	24.997.869.009
IV. Hàng tồn kho	140	8	1.068.745.039	1.013.989.503
1. Hàng tồn kho	141		1.068.745.039	1.013.989.503
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.208.148.521	14.249.050.125
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.444.525.221	11.737.298.613
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	9.444.525.221	11.737.298.613
- Nguyên giá	222		28.851.671.697	28.774.671.697
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.407.146.476)	(17.037.373.084)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		763.623.300	2.511.751.512
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	763.623.300	2.511.751.512
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		100.510.196.117	99.603.425.670

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		70.040.224.664	69.633.086.112
I. Nợ ngắn hạn	310		68.260.224.664	66.893.086.112
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	2.780.778.554	2.472.316.509
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		36.492.429	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	6.376.260.516	4.047.107.305
4. Phải trả người lao động	314	13	34.427.223.707	27.527.496.902
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	17.651.126.887	25.792.054.890
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	3.298.518.165	3.227.649.045
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16.a	960.000.000	960.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.729.824.406	2.866.461.461
II. Nợ dài hạn	330		1.780.000.000	2.740.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16.b	1.780.000.000	2.740.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		30.469.971.453	29.970.339.558
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	30.469.971.453	29.970.339.558
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	27.532.800.000	27.532.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.532.800.000	27.532.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		196.973.158	79.049.162
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17	2.740.198.295	2.358.490.396
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	17	-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	17	2.740.198.295	2.358.490.396
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		100.510.196.117	99.603.425.670



Bình Thuận, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thủy

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Phương



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	19	81.836.145.115	74.046.065.234
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		81.836.145.115	74.046.065.234
4. Giá vốn hàng bán	11	20	67.692.126.285	58.967.296.998
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>14.144.018.830</u>	<u>15.078.768.236</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	96.596.055	325.782.547
7. Chi phí tài chính	22	22	168.937.879	95.633.434
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		86.960.279	13.655.834
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	10.564.837.748	12.321.223.052
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>3.506.839.258</u>	<u>2.987.694.297</u>
11. Thu nhập khác	31		3.243.000	92.853.722
12. Chi phí khác	32	24	61.167.511	91.548.019
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(57.924.511)</u>	<u>1.305.703</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	25	<u>3.448.914.747</u>	<u>2.989.000.000</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	708.716.452	630.509.604
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>2.740.198.295</u>	<u>2.358.490.396</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	817	673
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	26	817	673

Giám đốc

 Mai Hữu Việt

Bình Thuận, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng



Lê Thị Thanh Thủy

Người lập biểu



Nguyễn Thanh Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		63.123.094.438	71.253.833.875
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(23.825.262.381)	(30.857.670.397)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(35.702.081.106)	(26.775.943.293)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	15,22	(88.069.613)	(9.380.278)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	12	(715.277.877)	(439.017.017)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.456.200.587	7.927.996.257
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(12.570.183.410)	(13.380.920.142)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.321.579.362)	7.718.899.005
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(77.000.000)	(6.591.497.273)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	92.832.272
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19	145.229.388	290.285.659
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		68.229.388	(6.208.379.342)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	16	-	3.700.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(960.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	17	(1.734.566.400)	(1.101.312.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.694.566.400)	2.598.688.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(5.947.916.374)	4.109.207.663
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		14.392.573.745	10.283.366.082
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		8.444.657.371	14.392.573.745



Mai Hữu Việt

Bình Thuận, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thủy

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Phương



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động**1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Phan Thiết theo Quyết định số 2377/QĐ – UBND ngày 27/11/2012 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400861721 ngày 29/04/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 1 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp vào ngày 29/04/2016.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Xử lý ô nhiễm, hoạt động quản lý chất thải khác, thu gom, xử lý rác thải, nước thải và chăm sóc công viên, cây xanh cộng đồng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh (Trồng hoa, cây cảnh, chăm sóc công viên và cây xanh cộng đồng);
- Trồng cây lâu năm khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng (Ươm giống cây lâm nghiệp);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại;
- Tái chế phế liệu;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp);
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện (Thi công lắp đặt hệ thống điện trung - hạ thế, trạm biến áp, điện chiếu sáng, tín hiệu giao thông);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Hoàn thiện công trình xây dựng (Trang trí nội, ngoại thất công trình);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Tài sản cố định hữu hình***Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc, thiết bị	7
Phương tiện vận tải	7 – 10
Tài sản cố định khác	10



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.5 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 36 tháng.

4.6 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.7 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.8 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông góp vốn theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu hợp đồng xây dựng
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành;
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.11 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.12 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.15 Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT:
 - ✓ Dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, dịch vụ chăm sóc cây xanh đường phố, dịch vụ chiếu sáng công cộng, tín hiệu giao thông ... (thuộc mảng dịch vụ công ích): không chịu thuế;
 - ✓ Dịch vụ bán cây xanh: Áp dụng thuế suất 5%
 - ✓ Dịch vụ vệ sinh thuộc mảng dịch vụ công ích, dịch vụ xây dựng công trình; dịch vụ trang trí công trình, các dịch vụ ngoài công ích khác: Áp dụng thuế suất 10%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt	38.264.983	13.258.401
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.406.392.388	10.326.838.439
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	-	4.052.476.905
Cộng	<u>8.444.657.371</u>	<u>14.392.573.745</u>

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018	01/01/2018
Phòng Tài chính kế hoạch Thành phố Phan Thiết	60.225.234.955	41.129.815.163
Các đối tượng khác	3.311.925.439	3.819.744.125
Cộng	<u>63.537.160.394</u>	<u>44.949.559.288</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	13.922.150.622	-	22.981.983.869	-
Lãi dự thu	-	-	48.633.333	-
Phải thu khác	3.329.334.170	-	1.967.251.807	-
Cộng	17.251.484.792	-	24.997.869.009	-

8. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.068.745.039	-	961.989.503	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	52.000.000	-
Cộng	1.068.745.039	-	1.013.989.503	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2018.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2018.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	6.562.189.720	120.069.000	21.980.876.613	111.536.364	28.774.671.697
Mua sắm trong kỳ	-	77.000.000	-	-	77.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	6.562.189.720	197.069.000	21.980.876.613	111.536.364	28.851.671.697
Khấu hao					
Số đầu kỳ	3.557.770.078	47.847.680	13.363.904.039	67.851.287	17.037.373.084
Khấu hao trong kỳ	597.602.058	59.842.747	1.668.643.510	43.685.077	2.369.773.392
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	4.155.372.136	107.690.427	15.032.547.549	111.536.364	19.407.146.476
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	3.004.419.642	72.221.320	8.616.972.574	43.685.077	11.737.298.613
Số cuối kỳ	2.406.817.584	89.378.573	6.948.329.064	-	9.444.525.221

- Không có TSCĐ hữu hình đem đi thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2018.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 12.370.822.874 đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
Lợi thế thương mại	578.512.818	2.314.051.268
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	185.110.482	197.700.244
Cộng	763.623.300	2.511.751.512

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Công ty Cổ phần Hải Uyên	192.999.765	207.146.101
Công ty Cổ phần xây dựng số 8	405.899.113	-
Nguyễn Văn Hùng (Gara xe Văn Hùng)	624.974.000	610.090.000
Công ty Cổ Phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	405.604.000	278.807.560
Các đối tượng khác	1.151.301.676	1.376.272.848
Cộng	2.780.778.554	2.472.316.509

12. Thuế và các khoản phải trả nhà nước

	Số dư đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	3.657.704.480	3.898.799.933	1.524.138.806	6.032.365.607
Thuế thu nhập doanh nghiệp	208.320.293	793.484.725	715.277.877	286.527.141
Thuế thu nhập cá nhân	46.466.450	82.347.812	85.049.832	43.764.430
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	146.576.700	146.576.700	-
Các loại thuế khác	42.900.850	342.073.091	384.973.941	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	91.715.232	39.291.216	117.403.110	13.603.338
Cộng	4.047.107.305	5.302.573.477	2.973.420.266	6.376.260.516

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo Quyết định của Cơ quan thuế.

13. Phải trả người lao động

	Số đầu kỳ	Quỹ tiền lương năm 2018	Quỹ lương đã chi trả	Số cuối kỳ
Phải trả người lao động	27.527.496.902	43.381.030.577	36.481.303.772	34.427.223.707
Cộng	27.527.496.902	43.381.030.577	36.481.303.772	34.427.223.707



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
Trích trước chi phí công trình (*)	17.406.666.274	25.483.850.696
Trích trước chi phí lãi vay	3.166.222	4.275.556
Các khoản trích trước khác	241.294.391	303.928.638
Cộng	<u>17.651.126.887</u>	<u>25.792.054.890</u>

(*) Các khoản trích trước chi phí công trình phát sinh từ nhiều năm trước nhưng chưa được hoàn chứng từ. Các công trình này chủ yếu từ nguồn vốn nhà nước đầu tư, hiện nay đang được các chủ đầu tư lập thủ tục quyết toán.

15. Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Tạm ứng ngân sách Tỉnh	2.524.348.000	2.524.348.000
Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Phan Thiết	441.204.000	441.204.000
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	108.374.667	2.193.460
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	5.000.000
Phải trả khác	219.591.498	254.903.585
Cộng	<u>3.298.518.165</u>	<u>3.227.649.045</u>

16. Vay và nợ thuê tài chính**a. Ngắn hạn**

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn đến hạn trả	960.000.000	960.000.000	960.000.000	960.000.000
- Quỹ bảo vệ môi trường	960.000.000	960.000.000	960.000.000	960.000.000
Cộng	<u>960.000.000</u>	<u>960.000.000</u>	<u>960.000.000</u>	<u>960.000.000</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	3.700.000.000	-	960.000.000	2.740.000.000
- Quỹ bảo vệ môi trường	3.700.000.000	-	960.000.000	2.740.000.000
Cộng	3.700.000.000	-	960.000.000	2.740.000.000
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	960.000.000			960.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.740.000.000			1.780.000.000

Vay Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường số 10-17/TDĐT-QMT/BT ngày 09/10/2017 để đầu tư mua xe vận chuyển chuyên dùng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 – 2021. Theo đó, tổng mức vay là 3.700.000.000 đồng được đảm bảo bằng bảo lãnh của ngân hàng; thời hạn vay là 4 năm kể từ ngày nhận khoản vay đầu tiên; lãi suất vay là 2,6%/năm cố định trong thời gian vay.

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2017	27.532.800.000		1.580.982.983	29.113.782.983
Tăng trong kỳ	-	79.049.162	2.358.490.396	2.437.539.558
Giảm trong kỳ	-	-	1.580.982.983	1.580.982.983
Số dư tại 31/12/2017	27.532.800.000	79.049.162	2.358.490.396	29.970.339.558
Số dư tại 01/01/2018	27.532.800.000	79.049.162	2.358.490.396	29.970.339.558
Tăng trong kỳ	-	117.923.996	2.740.198.295	2.858.122.291
Giảm trong kỳ	-	-	2.358.490.396	2.358.490.396
Số dư tại 31/12/2018	27.532.800.000	196.973.158	2.740.198.295	30.469.971.453

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Năm 2018	Năm 2017
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	27.532.800.000	27.532.800.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	27.532.800.000	27.532.800.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.734.566.400	1.101.312.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.753.280	2.753.280
- Cổ phiếu phổ thông	2.753.280	2.753.280
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.753.280	2.753.280
- Cổ phiếu phổ thông	2.753.280	2.753.280
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	2.358.490.396	1.580.982.983
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	2.740.198.295	2.358.490.396
Phân phối lợi nhuận	2.358.490.396	1.580.982.983
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	2.358.490.396	1.580.982.983
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	117.923.996	79.049.162
+ Trích quỹ khen thưởng Ban quản lý	51.000.000	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	455.000.000	400.621.821
+ Trả cổ tức	1.734.566.400	1.101.312.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.740.198.295	2.358.490.396

Công ty thực hiện phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2018.

e. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 30/06/2018 đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền với tỷ lệ 6,3% vốn điều lệ, tương ứng 1.734.566.400 đồng. Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức trên trong năm 2018.

18. Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2018	01/01/2018
Viện Môi trường và Tài nguyên (Thiết kế xử lý rác)	63.600.000	63.600.000
Võ Văn Nhâm	30.000.000	30.000.000
Nguyễn Thị Thanh Phương	33.810.000	33.810.000
Các đối tượng khác	41.843.298	39.443.298
Cộng	169.253.298	166.853.298



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu dịch vụ công ích	73.262.760.225	65.161.623.918
Doanh thu hợp đồng duy tu bảo dưỡng	5.656.557.994	5.657.829.299
Doanh thu hoạt động ngoài công ích	1.675.429.016	1.514.099.629
Trang trí Tết, lễ hội	1.239.006.919	1.518.623.371
Các khoản doanh thu khác	2.390.961	193.889.017
Cộng	81.836.145.115	74.046.065.234

20. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn dịch vụ công ích	62.387.068.338	52.728.554.557
Giá vốn hoạt động duy tu bảo dưỡng	4.014.424.208	3.990.400.149
Giá vốn hoạt động ngoài công ích	504.030.991	506.769.497
Trang trí Tết, lễ hội	784.502.748	1.335.886.956
Giá vốn khác	2.100.000	405.685.839
Cộng	67.692.126.285	58.967.296.998

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền gửi ngân hàng	96.596.055	325.782.547
Cộng	96.596.055	325.782.547

22. Chi phí tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí lãi vay	86.960.279	13.655.834
Phí bảo lãnh khoản vay	81.977.600	81.977.600
Cộng	168.937.879	95.633.434

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nhân công	5.065.915.663	6.590.069.655
Phân bổ lợi thế thương mại	1.735.538.451	2.148.761.891
Chi phí khấu hao tài sản cố định	657.444.805	589.842.665
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.226.019.984	1.870.542.748
Các khoản khác	879.918.845	1.122.006.093
Cộng	<u>10.564.837.748</u>	<u>12.321.223.052</u>

24. Chi phí khác

	Năm 2018	Năm 2017
Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm xã hội, phạt hải quan	51.467.511	91.548.019
Các khoản khác	9.700.000	-
Cộng	<u>61.167.511</u>	<u>91.548.019</u>

25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018	Năm 2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.448.914.747	2.989.000.000
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	94.667.511	134.748.019
- Điều chỉnh tăng	94.667.511	134.748.019
+ Tiền phạt chậm nộp thuế GTGT, nộp phạt hải quan	51.467.511	91.548.019
+ Các khoản chi phí khác không được trừ	43.200.000	43.200.000
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	3.543.582.258	3.123.748.019
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>708.716.452</u>	<u>630.509.604</u>
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	708.716.452	624.749.604
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	5.760.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***26. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.740.198.295	2.358.490.396
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(489.664.263)	(506.000.000)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	489.664.263	506.000.000
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.250.534.032	1.852.490.396
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.753.280	2.753.280
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	817	673

27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.399.678.869	4.998.462.579
Chi phí nhân công	49.939.714.604	43.822.914.599
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.369.773.392	4.170.355.487
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.598.536.900	15.514.568.618
Chi phí khác bằng tiền	1.949.260.268	2.782.218.767
Cộng	78.256.964.033	71.288.520.050

28. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là thực hiện các dịch vụ thu gom, xử lý và tiêu hủy các loại chất thải, chăm sóc và duy trì cảnh quan ... và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

29. Quản lý rủi ro**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Quản lý rủi ro về lãi suất**

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Như trình bày tại thuyết minh số 15, Công ty thực hiện vay vốn dài hạn của Quỹ Bảo vệ Môi trường với lãi suất thấp, cố định là 2,6%/năm, Do đó, Công ty không có rủi ro trọng yếu về biến đổi lãi suất ngoài dự tính.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý và tiêu hủy chất thải, do đó sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá của các yếu tố đầu vào phục vụ cho hoạt động kinh doanh trên. Tuy nhiên, giá cả của các loại nguyên liệu đầu vào này thường ít biến động và ít tồn kho nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các đơn vị sử dụng nguồn từ Ngân sách Nhà nước. Với đặc thù giao dịch thường xuyên trong nhiều năm, thanh toán gối đầu, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cho rằng, Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.780.778.554	-	2.780.778.554
Chi phí phải trả	1.843.240.791	-	1.843.240.791
Vay và nợ thuê tài chính	960.000.000	1.780.000.000	2.740.000.000
Phải trả khác	3.190.143.498	-	3.190.143.498
Cộng	8.774.162.843	1.780.000.000	10.554.162.843
01/01/2018	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.472.316.509	-	2.472.316.509
Chi phí phải trả	2.617.040.935	-	2.617.040.935
Vay và nợ thuê tài chính	960.000.000	2.740.000.000	3.700.000.000
Phải trả khác	3.225.455.585	-	3.225.455.585
Cộng	9.274.813.029	2.740.000.000	12.014.813.029

Giám đốc cho rằng Công ty hiện không có rủi ro thanh khoản và có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>31/12/2018</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.444.657.371	-	8.444.657.371
Phải thu khách hàng	63.536.633.121	-	63.536.633.121
Phải thu khác	1.332.285.765	-	1.332.285.765
Cộng	73.313.576.257	-	73.313.576.257

<u>01/01/2018</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.392.573.745	-	14.392.573.745
Phải thu khách hàng	44.949.559.288	-	44.949.559.288
Phải thu khác	728.893.298	-	728.893.298
Cộng	60.071.026.331	-	60.071.026.331

30. Thu nhập của thành viên chủ chốt

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.623.480.000	1.314.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị, kiểm soát viên	220.800.000	220.800.000

31. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

32. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi AAC.



Mai Hữu Việt

Bình Thuận, ngày 20 tháng 03 năm 2019

Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thùy

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Phương



Bình Thuận, Ngày 17 tháng 04 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

